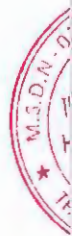


# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



## **NỘI DUNG**

|                                                                | <b>Trang</b> |
|----------------------------------------------------------------|--------------|
| Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ                                   | 02-03        |
| Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ                                | 04-10        |
| Báo cáo của Ngân hàng giám sát                                 | 11           |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                                      | 12           |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán                            | 13-47        |
| Báo cáo thu nhập                                               | 13           |
| Báo cáo tình hình tài chính                                    | 14-15        |
| Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ | 16           |
| Báo cáo danh mục đầu tư                                        | 17           |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ                                     | 18           |
| Thuyết minh báo cáo tài chính                                  | 19-47        |

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB (“Quỹ”) trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### **QUỸ**

Quỹ Đầu tư Trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 18/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 03 năm 2024 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 42/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 05 năm 2024. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

### **CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền Linh hoạt MB được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK cấp ngày 30 tháng 09 năm 2024.

### **BAN ĐẠI DIỆN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ**

Các thành viên của Ban đại diện trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                    |            |
|--------------------|------------|
| Bà: Nguyễn Cẩm Chi | Chủ tịch   |
| Bà: Lưu Thị Thúy   | Thành viên |
| Bà: Trần Thu Lan   | Thành viên |

Các thành viên của Ban điều hành Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                         |                                                          |
|-------------------------|----------------------------------------------------------|
| Ông: Bạch Thế Phong     | Giám đốc Đầu tư (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2025)     |
| Bà: Bùi Thị Trang Nhung | Giám đốc Đầu tư (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)     |
| Ông: Hà Anh Tùng        | Giám đốc Đầu tư (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)   |
| Ông: Giang Trung Kiên   | Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2025) |

### **NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 8 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được bổ nhiệm theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát ngày 15 tháng 08 năm 2023.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Quỹ.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Quỹ tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 về việc sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

**PHE DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



**Nguyễn Cẩm Chi**  
Chủ tịch Ban đại diện

## **BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

### **1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

#### **1.1 . Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB (“Quỹ”) là hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại trái phiếu, các công cụ có thu nhập cố định được phát hành tại Việt Nam.

#### **1.2 . Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Theo báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ tăng 82,08% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại đầu kỳ báo cáo; NAV trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) của Quỹ tăng 6,19% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

#### **1.3 . Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

##### **Chiến lược đầu tư**

- Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng các công cụ nợ bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại tài sản như sau: Các loại trái phiếu chính phủ; trái phiếu được chính phủ bảo lãnh thanh toán; trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết theo quy định của pháp luật; chứng chỉ tiền gửi; hợp đồng tiền gửi và các công cụ thị trường tiền tệ khác;
- Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng tài sản đầu tư cụ thể thông qua việc đánh giá phân tích chuyên sâu tổ chức phát hành, và khả năng bị tác động của tổ chức phát hành trước biến động của thị trường;
- Công ty Quản lý Quỹ sẽ đánh giá những chuyển động của thị trường trái phiếu, thị trường tiền tệ để phân bổ tỷ trọng trái phiếu, các công cụ thị trường tiền tệ và tiền mặt ở một tỷ lệ thích hợp, vừa đảm bảo khả năng sinh lời, vừa đảm bảo khả năng thanh khoản của quỹ;
- Quỹ sẽ linh hoạt phân bổ tài sản tùy theo điều kiện thị trường và tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có. Định hướng quỹ sẽ đầu tư 100% tài sản của quỹ vào tài sản có thu nhập cố định, quỹ sẽ không mua cổ phiếu, tuy nhiên có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

##### **Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư**

Bên cạnh trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào các công cụ tiền tệ bao gồm chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi,... được phát hành bởi các tổ chức tín dụng như ngân hàng, công ty tài chính. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, Quỹ sẽ ưu tiên đầu tư vào các công cụ nợ của các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong các ngành nghề sau đây (nhưng không giới hạn ở những ngành nghề này):

- Tài chính - ngân hàng;
- Viễn thông;
- Dịch vụ và hàng tiêu dùng;
- Y tế và giáo dục;
- Bất động sản, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng;
- Các ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với chiến lược đầu tư tại từng thời điểm theo quyết định hợp lý của Công ty Quản lý Quỹ.

##### **Các loại tài sản được phép đầu tư**

Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**  
Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng các điều kiện sau:
  - + Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
  - + Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

**1.4 . Phân loại Quỹ**

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở.

**1.5 . Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Nhà đầu tư vào Quỹ có thể dễ dàng bán lại chứng chỉ quỹ cho Quỹ vào các ngày giao dịch định kỳ. Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ trong thời gian ngắn sẽ chịu mức phí mua lại được quy định trong Bản cáo bạch của Quỹ. Vì vậy, tùy thuộc vào thị trường, nhu cầu của nhà đầu tư mà nhà đầu tư có thể tự quyết định thời gian đầu tư vào Quỹ.

**1.6 . Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt MB được thành lập ngày 14 tháng 05 năm 2024 theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 42/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

**1.7 . Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 481.086.413.200 VND, tương đương với 48.108.641,32 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ là 531.088.814.852 VND.

**1.8 . Chỉ số tham chiếu**

Không áp dụng.

**1.9 . Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức đề hỏ đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.

Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ VND. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**  
Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;

**1.10 . Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ**

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

**2 . SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

**2.1 . Cơ cấu tài sản của Quỹ**

|                                           | 31/12/2025  | 31/12/2024  |
|-------------------------------------------|-------------|-------------|
|                                           | %           | %           |
| 1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền | 21,35%      | 2,96%       |
| 2. Chứng chỉ tiền gửi                     | 0,00%       | 23,80%      |
| 3. Danh mục chứng khoán                   | 75,88%      | 70,42%      |
| 4. Tài sản khác                           | 2,77%       | 2,82%       |
|                                           | <b>100%</b> | <b>100%</b> |

**2.2 . Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

|                                                                           | DVT | Từ ngày<br>01/01/2025 đến<br>ngày 31/12/2025 | Từ ngày<br>14/05/2024 đến<br>ngày 31/12/2024 |
|---------------------------------------------------------------------------|-----|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Giá trị tài sản ròng của Quỹ                                              | VND | 531.088.814.852                              | 291.672.010.182                              |
| Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành                                       | CCQ | 48.108.641,32                                | 28.056.134,03                                |
| Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ                         | VND | 11.039                                       | 10.396                                       |
| Giá trị tài sản ròng cao nhất của một đơn vị CCQ trong năm                | VND | 11.049                                       | 10.397                                       |
| Giá trị tài sản ròng thấp nhất của một đơn vị CCQ trong năm               | VND | 10.398                                       | 9.998                                        |
| Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ                                         | %   | 6,19%                                        | 3,96%                                        |
| - Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)            |     | 0,26%                                        | 0,53%                                        |
| - Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) |     | 5,93%                                        | 3,43%                                        |
| Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ                                           | %   | 1,75%                                        | 1,91%                                        |
| Tốc độ vòng quay danh mục                                                 | %   | 162,76%                                      | 119,16%                                      |

**2.3 . Tăng trưởng qua các thời kỳ**

| Giai đoạn                              | Tổng tăng trưởng<br>của NAV/CCQ | Tăng trưởng<br>NAV/CCQ hàng<br>năm |
|----------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|
|                                        | %                               | %                                  |
| 1 năm đến thời điểm báo cáo            | 6,19%                           | 6,19%                              |
| 3 năm đến thời điểm báo cáo            | Không xác định                  | Không xác định                     |
| Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo | 10,39%                          | 6,24%                              |

**2.4 . Tăng trưởng hàng kỳ**

| Thời kỳ                            | Từ 01/01/2025<br>đến 31/12/2025 | Từ 14/05/2024<br>đến 31/12/2024 |
|------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 6,19%                           | 3,96%                           |

### 3 . MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

#### 3.1 Tình hình kinh tế vĩ mô

Kinh tế năm 2025 tăng trưởng 8,02%, cao thứ hai trong giai đoạn 2011-2025 nhờ động lực chính từ dịch vụ và sản xuất công nghiệp.

Chỉ số PMI tháng 12 năm 2025 đạt 53 điểm giảm so với 53,8 điểm của tháng 11 năm 2025 (Sản lượng tiếp tục tăng, nhưng tình trạng khan hiếm nguồn cung đẩy mức tăng chi phí lên mức cao nhất trong ba năm rưỡi).

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước tháng 12 năm 2025 tăng 0,19% so với tháng trước, và tăng 3,31% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung năm 2025, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 455,01 tỷ USD, tăng 19,4% so với cùng kỳ; cán cân thương mại xuất siêu ở mức 20,03 tỷ USD.

Đến hết tháng 12 năm 2025, tỷ giá trung tâm USD/VND ở mức 25.121 đồng, tăng ~3,32% so với đầu năm.

#### 3.2 Tình hình thị trường trái phiếu

Tổng giá trị Trái phiếu Chính phủ phát hành thông qua đấu thầu trong 12 tháng đầu năm 2025 là 378.550 tỷ đồng, tương đương hơn 75,7% kế hoạch cả năm (500.000 tỷ đồng). Trái phiếu phát hành trong tháng có các kỳ hạn 5, 10 và 30, trong đó tập trung chủ yếu vào kỳ hạn 10 năm (95,6%) tương ứng khối lượng 61,7 nghìn tỷ đồng.

Lợi suất Trái phiếu Chính phủ Việt Nam có xu hướng tăng ở hầu hết các kỳ hạn.

Theo dữ liệu tổng hợp từ HNX và SSC, trong tháng 12, thị trường có 90 lô trái phiếu doanh nghiệp. Tổng khối lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành đạt gần 92.345 tỷ đồng, tăng so với tháng trước.

Các ngân hàng và bất động sản tiếp tục là lực đẩy chính của thị trường khi đã phát hành lần lượt đạt gần 58.687 và 19.958 tỷ đồng trái phiếu trong tháng 12, chiếm tới 85% tổng lượng phát hành toàn thị trường.

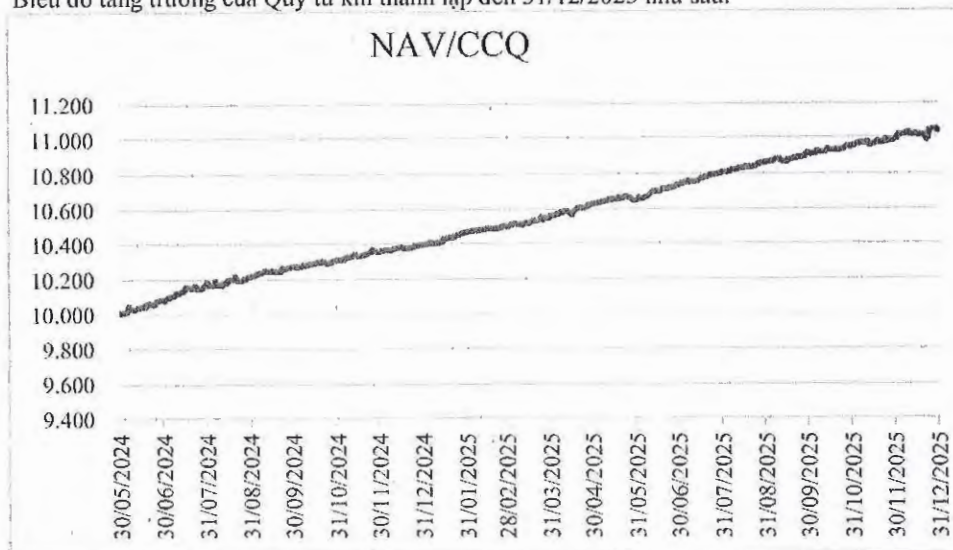
### 4 . SỐ LIỆU CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

#### 4.1 . Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

|                                        | 1 năm đến thời<br>điểm báo cáo | 3 năm đến thời<br>điểm báo cáo | Từ thời điểm<br>thành lập đến<br>thời điểm báo cáo |
|----------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------|
|                                        | %                              | %                              | %                                                  |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ      | 5,93%                          | Không xác định                 | 9,81%                                              |
| Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ           | 0,26%                          | Không xác định                 | 0,58%                                              |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ          | 6,19%                          | Không xác định                 | 10,39%                                             |
| Tăng trưởng hàng năm (%) /1 đơn vị CCQ | 6,19%                          | Không xác định                 | 6,24%                                              |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**  
 Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Biểu đồ tăng trưởng của Quỹ từ khi thành lập đến 31/12/2025 như sau:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

|                                              | 31/12/2025      | 31/12/2024      | Tỷ lệ thay đổi |
|----------------------------------------------|-----------------|-----------------|----------------|
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ           | 531.088.814.852 | 291.672.010.182 | 82,08%         |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 11.039          | 10.396          | 6,19%          |

**4.2 . Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

| Quy mô nắm giữ (đơn vị)    | Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm | Tỷ lệ nắm giữ |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|---------------|
| Dưới 5.000                 | 3.638                       | 790.538,10                        | 1,64%         |
| Từ 5.000 đến 10.000        | 150                         | 1.263.119,37                      | 2,63%         |
| Từ trên 10.000 đến 50.000  | 424                         | 11.584.747,75                     | 24,08%        |
| Từ trên 50.000 đến 500.000 | 285                         | 34.470.236,10                     | 71,65%        |
| Trên 500.000               | -                           | -                                 | 0,00%         |
|                            | 4.497                       | 48.108.641,32                     | 100%          |

**5 . THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

**Dự báo kinh tế vĩ mô 2026**

Chúng tôi kỳ vọng, mục tiêu tăng trưởng GDP cao cùng mục tiêu ổn định các chỉ tiêu vĩ mô khác sẽ tạo điều kiện cho các hoạt động đầu tư và nhu cầu huy động vốn dài hạn. Bên cạnh đó, mức tín dụng ngân hàng trong tổng nguồn vốn trong nền kinh tế đã quá cao, phát đi mức cảnh báo tới Ngân hàng Nhà nước. Chúng tôi kỳ vọng, các kênh huy động vốn khác như trái phiếu sẽ được các cơ quan chức năng thúc đẩy để các kênh này hoạt động tích cực hơn, thay thế một phần cho tín dụng ngân hàng.

**Dự báo thị trường trái phiếu doanh nghiệp 2026**

Chúng tôi cũng dự báo thị trường trái phiếu doanh nghiệp năm 2026 sẽ sôi động hơn, nhiều trái phiếu đại chúng sẽ được phát hành hơn. Trái phiếu ngân hàng vẫn sẽ chiếm phần lớn lượng phát hành, tuy nhiên các công ty chứng khoán, sản xuất cũng sẽ tăng huy động. Lãi suất phát hành có thể tăng nhẹ trong năm 2026 khi mặt bằng lãi suất thị trường 1 và thị trường 2 đều có xu hướng tăng.

**6 . THÔNG TIN KHÁC**

**Đội ngũ quản lý quỹ**

**Ông Bạch Thế Phong**  
*Giám đốc Đầu tư*

Ông Bạch Thế Phong có gần 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB vào năm 2015, ông từng đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Tư vấn Đầu tư. Ông Phong là thành viên Hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2019.

**Bà Bùi Thị Trang Nhung**  
*Giám đốc Đầu tư*

Bà Bùi Thị Trang Nhung có trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB từ năm 2015 với vị trí chuyên viên phân tích đầu tư cao cấp và trợ lý quản lý danh mục đầu tư, hiện bà Nhung phụ trách hoạch định, đề xuất chiến lược và giải pháp đầu tư. Bà Nhung là thành viên hiệp hội các nhà đầu tư phân tích tài chính (CFA Charter Holder) từ năm 2019.

**Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB**

**Ông Chu Hồng Kiên**  
*Tổng Giám đốc*

Ông Chu Hồng Kiên có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB, ông Kiên từng là Giám đốc Chi nhánh Thủ Đức - Ngân hàng TMCP Quân đội.

**Ông Giang Trung Kiên**  
*Phó Tổng Giám đốc*

Ông Giang Trung Kiên có trên 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng - Đầu tư. Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Giang Trung Kiên hiện đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (PGC).

**Ban Đại diện Quỹ**

**Bà Nguyễn Cẩm Chi**  
*Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ*

Bà Nguyễn Cẩm Chi hiện giữ chức Phó Tổng giám đốc, Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD). Bà Chi có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính. Bà Chi hiện là thành viên kỳ cựu Hiệp hội kế toán công chứng Anh Quốc (FCCA).

**Bà Lưu Thị Thúy**  
*Thành viên Ban Đại diện Quỹ*

Bà Lưu Thị Thúy có 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, chứng khoán và đầu tư. Bà Thúy đã từng giữ chức vụ quản lý cấp cao của Khối Ngân hàng đầu tư Techcombank. Bà Thúy là thành viên hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2012.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**  
Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

**Bà Trần Thu Lan**  
Thành viên Ban Đại diện Quỹ



Bà Trần Thu Lan tốt nghiệp Cử nhân Luật chuyên ngành Hành chính - Tư Pháp tại Đại học Luật Hà Nội, thạc sỹ chuyên ngành Luật dân sự tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Bà Lan có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn pháp lý, kiểm soát tuân thủ, quản trị điều hành doanh nghiệp. Bà Lan gia nhập Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) kể từ năm 2009 và hiện đang đảm nhiệm chức vụ Trợ lý pháp chế HĐQT của MB.

**Giang Trung Kiên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB  
Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ đầu tư trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB ("Quỹ") cho năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Với sự hiểu biết của chúng tôi trong kỳ tài chính Quỹ đầu tư trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Công ty CP quản lý Quỹ đầu tư MB đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên tại một số thời điểm cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ có phát sinh sai lệch, cụ thể như sau:
  - Tại các kỳ định giá ngày 25/11/2025, từ ngày 27/11/2025 đến 01/01/2026, do thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật và biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ, tỷ lệ đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm đ khoản 2 điều 35 Thông tư 98 (mã tài sản SBT12401 và NLG12501) vượt quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ; chưa đáp ứng quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đầu tư trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Việc phát hành và giao dịch Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong kỳ, quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận.

Hà Nội, ngày .. tháng 01 năm 2026

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**Nguyễn Mạnh Cường**  
Phó giám đốc

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Phương Dung**

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Nhà đầu tư và Ban đại diện  
Quý Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền Linh hoạt MB

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quý Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền Linh hoạt MB được lập ngày 02 tháng 02 năm 2026, từ trang 14 đến trang 47, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo thu nhập, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là Công ty Quản lý quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quý theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Quý có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quý. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền Linh hoạt MB tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cải Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026



Đoàn Thị Thúy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0937-2023-002-1

**BÁO CÁO THU NHẬP**  
*năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025*

| Mã số     | CHỈ TIÊU                                                               | Thuyết minh | Từ 01/01/2025<br>đến 31/12/2025 | Từ 14/05/2024<br>đến 31/12/2024 |
|-----------|------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------|---------------------------------|
|           |                                                                        |             | VND                             | VND                             |
| <b>01</b> | <b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                         |             | <b>42.194.137.125</b>           | <b>10.018.767.834</b>           |
| 02        | 1.1 Cổ tức, trái tức được chia                                         | 3           | 31.269.716.340                  | 7.002.421.817                   |
| 03        | 1.2 Tiền lãi được nhận                                                 | 4           | 10.966.332.625                  | 2.755.620.242                   |
| 04        | 1.3 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư                                       | 5           | 106.527.816                     | (89.673.285)                    |
| 05        | 1.4 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | 6           | (148.439.656)                   | 350.399.060                     |
| <b>10</b> | <b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>                                              |             | <b>346.321.740</b>              | <b>35.929.388</b>               |
| 11        | 2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư                        | 7           | 346.321.740                     | 35.929.388                      |
| <b>20</b> | <b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>                                   |             | <b>9.529.928.229</b>            | <b>2.497.831.161</b>            |
| 20.1      | 3.1 Phí quản lý quỹ mở                                                 |             | 8.474.535.966                   | 1.989.464.765                   |
| 20.2      | 3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở                                  |             | 328.094.523                     | 121.253.433                     |
| 20.3      | 3.3 Phí dịch vụ giám sát                                               |             | 125.620.543                     | 42.712.963                      |
| 20.4      | 3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ mở                                        |             | 234.212.197                     | 125.080.645                     |
| 20.5      | 3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng                                   |             | 158.400.000                     | 96.232.258                      |
| 20.8      | 3.6 Chi phí kiểm toán                                                  |             | 65.000.000                      | 30.000.000                      |
| 20.10     | 3.7 Chi phí hoạt động khác                                             | 8           | 144.065.000                     | 93.087.097                      |
| <b>23</b> | <b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                    |             | <b>32.317.887.156</b>           | <b>7.485.007.285</b>            |
| <b>24</b> | <b>V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>                             |             | -                               | -                               |
| 24.1      | 5.1 Thu nhập khác                                                      |             | -                               | -                               |
| 24.2      | 5.2 Chi phí khác                                                       |             | -                               | -                               |
| <b>30</b> | <b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>                           |             | <b>32.317.887.156</b>           | <b>7.485.007.285</b>            |
| 31        | 6.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện                                        |             | 32.466.326.812                  | 7.134.608.225                   |
| 32        | 6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện                                      |             | (148.439.656)                   | 350.399.060                     |
| <b>40</b> | <b>VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>                                          |             | -                               | -                               |
| <b>41</b> | <b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>                           |             | <b>32.317.887.156</b>           | <b>7.485.007.285</b>            |

  
**Nguyễn Thị Minh Lê**  
Người lập

  
**Phạm Thị Thu Hương**  
Phụ trách kế toán

  
**Giang Trung Kiên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB  
Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025*

| Mã số      | TÀI SẢN                                                                                | Thuyết minh | 31/12/2025<br>VND      | 31/12/2024<br>VND      |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>100</b> | <b>I. TÀI SẢN</b>                                                                      |             |                        |                        |
| 110        | 1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền                                              | 9           | 55.397.337.461         | 8.697.000.182          |
| 111        | 1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở                                        |             | 22.897.337.461         | 2.697.000.182          |
| 112        | 1.2 Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng                                               |             | 32.500.000.000         | 6.000.000.000          |
| 120        | 2. Các khoản đầu tư thuần                                                              | 10          | 483.891.404.904        | 277.138.009.317        |
| 121        | 2.1 Các khoản đầu tư                                                                   |             | 483.891.404.904        | 277.138.009.317        |
| 121        | 2.1.1 Các khoản đầu tư trái phiếu                                                      |             | 420.891.404.904        | 207.138.009.307        |
| 121        | 2.1.2 Chứng chỉ tiền gửi                                                               |             | 63.000.000.000         | 70.000.000.010         |
| 130        | 3. Các khoản phải thu                                                                  | 11          | 15.312.866.243         | 8.296.732.833          |
| 133        | 3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư                               |             | 15.312.866.243         | 8.296.732.833          |
| 136        | 3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận                                       |             | 15.312.866.243         | 8.296.732.833          |
| <b>100</b> | <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                                                                    |             | <b>554.601.608.608</b> | <b>294.131.742.332</b> |
| Mã số      | NGUỒN VỐN                                                                              |             |                        |                        |
| <b>300</b> | <b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                                                 |             |                        |                        |
| 312        | 1. Phải trả về mua các khoản đầu tư                                                    | 12          | 21.370.617.269         | -                      |
| 316        | 2. Chi phí phải trả                                                                    | 13          | 32.500.000             | 15.000.000             |
| 317        | 3. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ                                        | 14          | 1.163.873.777          | 1.604.761.000          |
| 318        | 4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ                                    | 15          | 10.500.774             | 403.115.598            |
| 319        | 5. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở                                                     | 16          | 935.301.936            | 436.855.552            |
| <b>300</b> | <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>                                                                |             | <b>23.512.793.756</b>  | <b>2.459.732.150</b>   |
| <b>400</b> | <b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THẺ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ</b> | 17          | <b>531.088.814.852</b> | <b>291.672.010.182</b> |
| 411        | 1. Vốn góp của Nhà đầu tư                                                              |             | 481.086.413.200        | 280.561.340.300        |
| 412        | 1.1 Vốn góp phát hành                                                                  |             | 2.231.758.754.800      | 543.195.441.600        |
| 413        | 1.2 Vốn góp mua lại                                                                    |             | (1.750.672.341.600)    | (262.634.101.300)      |
| 414        | 2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư                                                     |             | 10.199.507.211         | 3.625.662.597          |
| 420        | 3. Lợi nhuận chưa phân phối                                                            | 18          | 39.802.894.441         | 7.485.007.285          |
| <b>430</b> | <b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>                     |             | <b>11.039</b>          | <b>10.396</b>          |

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Mã số | CHỈ TIÊU                                | Thuyết minh | 31/12/2025    | 31/12/2024    |
|-------|-----------------------------------------|-------------|---------------|---------------|
| 004   | 1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành | 22          | 48.108.641,32 | 28.056.134,03 |



Nguyễn Thị Minh Lê  
Người lập



Phạm Thị Thu Hương  
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên  
Phó Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB  
Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

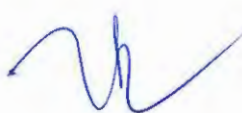
## **BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**

*năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025*

| STT   | CHỈ TIÊU                                                                         | Từ 01/01/2025<br>đến 31/12/2025 | Từ 14/05/2024<br>đến 31/12/2024 |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|       |                                                                                  | VND                             | VND                             |
| I.    | Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm                                    | 291.672.010.182                 | 50.130.360.000                  |
| II.   | Thay đổi NAV trong năm                                                           | 32.317.887.156                  | 7.485.007.285                   |
|       | Trong đó:                                                                        |                                 |                                 |
| II.1  | Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong năm | 32.317.887.156                  | 7.485.007.285                   |
| II.2  | Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho nhà đầu tư trong năm  | -                               | -                               |
| III.  | Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=II.1-II.2)            | 207.098.917.514                 | 234.056.642.897                 |
| III.1 | Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ                                | 1.820.076.831.697               | 504.879.467.969                 |
| III.2 | Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ                                   | 1.612.977.914.183               | 270.822.825.072                 |
| IV.   | Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm (IV= I+II+III)                          | 531.088.814.852                 | 291.672.010.182                 |



Nguyễn Thị Minh Lê  
 Người lập



Phạm Thị Thu Hương  
 Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB  
 Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| STT        | Loại                                           | Số lượng         | Giá thị trường tại<br>ngày 31/12/2025 | Tổng giá trị           | Tỷ lệ trên<br>Tổng giá trị<br>tài sản hiện tại<br>của Quỹ |
|------------|------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------|
|            |                                                |                  | VND                                   | VND                    | %                                                         |
| <b>I</b>   | <b>Trái phiếu</b>                              |                  |                                       |                        |                                                           |
| 1          | BAF123020                                      | 482.387          | 103.355,07                            | 49.857.142.152         | 8,99%                                                     |
| 2          | DSE125004                                      | 500.928          | 99.910,03                             | 50.047.731.508         | 9,02%                                                     |
| 3.         | DSE125018                                      | 300.000          | 100.036,95                            | 30.011.085.000         | 5,41%                                                     |
| 4.         | HDB125012                                      | 201.686          | 100.002,31                            | 20.169.065.895         | 3,64%                                                     |
| 5.         | SBT12401                                       | 80               | 100.660.106,65                        | 8.052.808.532          | 1,45%                                                     |
| 6.         | TNG124027                                      | 200.000          | 99.910,68                             | 19.982.136.000         | 3,60%                                                     |
| 7.         | VHM121025                                      | 289.584          | 100.007,85                            | 28.960.673.234         | 5,22%                                                     |
| 8.         | VIC123029                                      | 11.151           | 99.559,52                             | 1.110.188.208          | 0,20%                                                     |
| 9.         | VIC124004                                      | 679.658          | 99.349,52                             | 67.523.696.064         | 12,18%                                                    |
| 10.        | VPI124001                                      | 699.990          | 100.249,81                            | 70.173.864.502         | 12,65%                                                    |
| 11.        | NLG12501                                       | 750              | 100.004.018,41                        | 75.003.013.809         | 13,52%                                                    |
|            | <b>Tổng</b>                                    | <b>3.366.214</b> |                                       | <b>420.891.404.904</b> | <b>75,88%</b>                                             |
| <b>II</b>  | <b>Các tài sản khác</b>                        |                  |                                       |                        |                                                           |
| 1          | Dự thu lãi trái phiếu                          |                  |                                       | 12.120.945.695         | 2,19%                                                     |
| 2          | Dự thu lãi tiền gửi                            |                  |                                       | 3.191.920.548          | 0,58%                                                     |
|            | <b>Tổng</b>                                    |                  |                                       | <b>15.312.866.243</b>  | <b>2,77%</b>                                              |
| <b>III</b> | <b>Tiền</b>                                    |                  |                                       |                        |                                                           |
| 1          | Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ       |                  |                                       | 22.897.337.461         | 4,13%                                                     |
| 2          | Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng |                  |                                       | 32.500.000.000         | 5,86%                                                     |
| 3          | Chứng chỉ tiền gửi                             |                  |                                       | 63.000.000.000         | 11,36%                                                    |
|            | <b>Tổng</b>                                    |                  |                                       | <b>118.397.337.461</b> | <b>21,35%</b>                                             |
| <b>IV</b>  | <b>Tổng giá trị danh mục</b>                   |                  |                                       | <b>554.601.608.608</b> | <b>100%</b>                                               |



Nguyễn Thị Minh Lê  
 Người lập



Phạm Thị Thu Hương  
 Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB  
 Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

## **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025*

*(Theo phương pháp trực tiếp)*

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                                                  | Thuyết minh | Từ 01/01/2025<br>đến 31/12/2025<br>VND | Từ 14/05/2024<br>đến 31/12/2024<br>VND |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
|       |                                                                                           |             |                                        |                                        |
|       | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                             |             |                                        |                                        |
| 01    | 1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư                                                       |             | (1.063.125.901.381)                    | (301.092.098.543)                      |
| 02    | 2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư                                                    |             | 880.988.985.195                        | 20.620.616.445                         |
| 04    | 4. Tiền lãi đã thu                                                                        |             | 31.927.868.314                         | 5.055.507.782                          |
| 06    | 5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở                                                  |             | (9.013.981.845)                        | (2.045.975.609)                        |
| 08    | 6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới) |             | (342.048.471)                          | (35.929.388)                           |
| 20    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                          |             | <b>(159.565.078.188)</b>               | <b>(277.497.879.313)</b>               |
|       | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                         |             |                                        |                                        |
| 21    | 1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở                                                 |             | 1.819.635.944.474                      | 556.614.588.969                        |
| 22    | 2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở                                                      |             | (1.613.370.529.007)                    | (270.419.709.474)                      |
| 30    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                       |             | <b>206.265.415.467</b>                 | <b>286.194.879.495</b>                 |
| 40    | <b>III. TĂNG/GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>                                                |             | <b>46.700.337.279</b>                  | <b>8.697.000.182</b>                   |
| 50    | <b>IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>                                     |             | <b>8.697.000.182</b>                   | -                                      |
| 51    | Tiền gửi ngân hàng đầu năm                                                                |             | 8.697.000.182                          | -                                      |
| 52    | Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở                                                   |             | 6.689.123.584                          | -                                      |
| 53    | Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ                                          |             | 2.007.876.598                          | -                                      |
| 55    | <b>V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>                                     | 9           | <b>55.397.337.461</b>                  | <b>8.697.000.182</b>                   |
| 56    | Tiền gửi ngân hàng cuối năm                                                               |             | 55.397.337.461                         | 8.697.000.182                          |
| 57    | Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở                                                   |             | 32.852.195.641                         | 6.689.123.584                          |
|       | Trong đó:                                                                                 |             |                                        |                                        |
|       | Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ                                     |             | 352.195.641                            | 689.123.584                            |
|       | Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng                                            |             | 32.500.000.000                         | 6.000.000.000                          |
| 58    | Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ                                          |             | 1.174.374.551                          | 2.007.876.598                          |
| 59    | Tiền gửi phong tỏa                                                                        |             | 21.370.767.269                         | -                                      |
| 60    | <b>VI. CHÈNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM</b>                        |             | <b>46.700.337.279</b>                  | <b>8.697.000.182</b>                   |



Nguyễn Thị Minh Lê  
Người lập biểu



Phạm Thị Thu Hương  
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên  
Phó Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB  
Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

#### **1.1 . Thông tin về Quỹ**

##### **Quỹ**

Quỹ Đầu tư Trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 18/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 03 năm 2024 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 42/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 05 năm 2024. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 50.130.360.000 VND, tương đương với 5.013.036,00 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 481.086.413.200 VND, tương đương với 48.108.641,32 chứng chỉ quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

##### **Công ty Quản lý Quỹ**

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền Linh hoạt MB được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK cấp ngày 30 tháng 09 năm 2024.

##### **Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 8 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được bổ nhiệm theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát ngày 15 tháng 08 năm 2023.

#### **1.2 . Mục tiêu đầu tư**

Quỹ Đầu tư Trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB hướng tới mục tiêu tối ưu lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại chứng khoán, công cụ thị trường tiền tệ có thu nhập cố định được phát hành tại Việt Nam. Quỹ ưu tiên đầu tư vào các tài sản có thanh khoản cao, kỳ hạn được tính toán hợp lý để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn linh hoạt của Nhà đầu tư.

#### **1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng**

##### **Ngày định giá**

Ngày định giá là toàn bộ các ngày làm việc trong tuần và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

##### **Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ**

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá.

**1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ**

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ quỹ vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6. Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

**1.5 . Hạn chế đầu tư**

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- a) Đầu tư tối thiểu tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng của quỹ vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác.
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) của một tổ chức phát hành sau (trừ công cụ nợ của Chính phủ):
  - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
  - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định sau phát hành bởi các công ty trong cùng nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định pháp luật:
  - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
  - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
  - (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
  - (iv) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
  - (v) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ.
- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
- g) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư trái phiếu MB;
- h) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
  - (i) Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - (ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - (iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- k) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế quy định tại điểm b, c, d, e, h và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ**

### **2.1 . Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư số 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và Thông tư số 91/2019/TT-BTC ("Thông tư số 91") ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**2.4 . Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Các ước tính kế toán lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ và được đánh giá là hợp lý với các giả định hiện tại.

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

**2.6 . Các khoản đầu tư**

*Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào Báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, lãi tiền lãi các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính.

*Ghi nhận tiếp theo*

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc;
- Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, lãi tiền lãi các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính.

*Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

*Nguyên tắc định giá*

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

| STT                                                                   | Loại tài sản                                                                                      | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b> |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1.                                                                    | Tiền (VND)                                                                                        | Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 2.                                                                    | Tiền gửi kỳ hạn                                                                                   | Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 3.                                                                    | Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác | Giá mua cộng với lãi lũy kế từ thời điểm mua tính tới ngày trước ngày định giá.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>Trái phiếu</b>                                                     |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 4.                                                                    | Trái phiếu niêm yết                                                                               | <p>Giá yết (Giá sạch) bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng với lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản (giá trái phiếu có biến động bất thường là giá có chênh lệch tuyệt đối quá 1% so với giá của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua trong trường hợp không có giá của kỳ định giá gần nhất), giá được sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 03 tháng tính đến ngày định giá;</li> <li>- Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.</li> </ul> <p>Đối với trái phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trái phiếu được định giá theo mệnh giá của trái phiếu cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước định giá.</li> </ul> |
| 5.                                                                    | Trái phiếu không niêm yết                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá mua cộng lãi lũy kế tính thời ngày trước ngày định giá.</li> <li>- Trong trường hợp trái phiếu có thời hạn đáo hạn ít hơn 15 ngày tính đến ngày định giá: Mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

**Chấm dứt ghi nhận**

Các khoản đầu tư được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

**2.7 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi Ngân hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Cụ thể:

| Thời gian quá hạn                     | Mức trích dự phòng |
|---------------------------------------|--------------------|
| Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm | 30%                |
| Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm   | 50%                |
| Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm    | 70%                |
| Từ ba (3) năm trở lên                 | 100%               |

## **2.8 . Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

## **2.9 . Vốn chủ sở hữu**

### *Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

### *Vốn góp mua lại*

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

### *Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư*

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/ mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá chứng chỉ quỹ mua lại và mệnh giá.

### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch do đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

*Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư*

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

**2.10 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ**

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc như nêu trên.

*Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ*

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang phát hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. (Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.)

**2.11 . Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)*

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích có tính lãi đầu tư thực tế của tài sản trừ đi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

*Lãi từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**2.12 . Các khoản chi phí**

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

*Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ*

Giá dịch vụ quản lý là 1,5%/ năm tính trên tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = 1,5% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

*Giá dịch vụ Ngân hàng giám Sát*

Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát là 0,02%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND (Năm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ ngân hàng giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho ngân hàng giám sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát = 0,02% \* Giá trị Tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

*Giá dịch vụ Lưu Ký*

Giá dịch vụ lưu ký là 0,05%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức phí trên chưa bao gồm VAT (nếu có)

Giá dịch vụ lưu ký = 0,05% \* Giá trị Tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm giá dịch vụ xử lý giao dịch cho các giao dịch chứng khoán và giá dịch vụ trả cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (chỉ phí hên thứ ba).

Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch: 150.000 VND/I giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày đối với chứng khoán niêm yết/ đăng ký giao dịch (HNX, HOSE, UPCOM) và miễn phí đối với chứng khoán OTC.

*Giá dịch vụ quản trị quỹ*

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

*Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng*

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ duy trì Nhà đầu tư; giá dịch vụ thiết lập dữ liệu Nhà đầu tư; giá dịch vụ đăng ký mua mới, mua lại, hoán đổi; và giá dịch vụ phân phối cổ tức. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 12.000.000 VND (Mười hai triệu đồng)/tháng (chưa bao gồm thuế VAT) và có thể thay đổi theo thông báo của Đại lý chuyển nhượng.

Trong mọi trường hợp, tổng số giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng không vượt quá mức tối đa 2%/năm theo quy định của pháp luật hiện hành.

*Chi phí kiểm toán*

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định khi ký kết hợp đồng kiểm toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**2.13 . Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính**

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

**2.14 . Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

**2.15 . Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

*Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

*Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**2.16 . Các bên liên quan**

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Quỹ chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . CỎ TỨC, TRÁI TỨC ĐƯỢC CHIA**

|                | Từ 01/01/2025<br>đến 31/12/2025 | Từ 14/05/2024<br>đến 31/12/2024 |
|----------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                | VND                             | VND                             |
| Lãi trái phiếu | 31.269.716.340                  | 7.002.421.817                   |
|                | <b>31.269.716.340</b>           | <b>7.002.421.817</b>            |

**4 . TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN**

|                        | Từ 01/01/2025<br>đến 31/12/2025 | Từ 14/05/2024<br>đến 31/12/2024 |
|------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                        | VND                             | VND                             |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 2.777.394.269                   | 372.743.529                     |
| Lãi chứng chỉ tiền gửi | 8.188.938.356                   | 2.382.876.713                   |
|                        | <b>10.966.332.625</b>           | <b>2.755.620.242</b>            |

**5 . LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

|                          | Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025  |                                                                |                                     |
|--------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|                          | Tổng giá trị bán<br>trong năm | Giá vốn bình quân<br>gia quyền tính đến<br>cuối ngày giao dịch | Lãi/lỗ bán chứng<br>khoán trong năm |
|                          | VND                           | VND                                                            | VND                                 |
| Trái phiếu niêm yết      | 559.126.416.703               | 559.019.895.881                                                | 106.520.822                         |
| Trái phiếu chưa niêm yết | 25.000.000.000                | 25.000.000.000                                                 | -                                   |
| Chứng chỉ tiền gửi       | 232.000.007.004               | 232.000.000.010                                                | 6.994                               |
|                          | <b>816.126.423.707</b>        | <b>816.019.895.891</b>                                         | <b>106.527.816</b>                  |
|                          | Từ 14/05/2024 đến 31/12/2024  |                                                                |                                     |
|                          | Tổng giá trị bán<br>trong năm | Giá vốn bình quân<br>gia quyền tính đến<br>cuối ngày giao dịch | Lãi/lỗ bán chứng<br>khoán trong năm |
|                          | VND                           | VND                                                            | VND                                 |
| Trái phiếu niêm yết      | 5.000.000.000                 | 5.089.673.288                                                  | (89.673.288)                        |
| Chứng chỉ tiền gửi       | 15.000.000.006                | 15.000.000.003                                                 | 3                                   |
|                          | <b>20.000.000.006</b>         | <b>20.089.673.291</b>                                          | <b>(89.673.285)</b>                 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**6 . CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN**

| Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025   |                                                                   |                                                                          |                                                            |                                                                    |                                                                     |
|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                | Giá trị mua<br>theo sổ kế toán<br>tại ngày<br>31/12/2025<br>(VND) | Giá trị trường<br>hoặc giá trị hợp<br>lý tại ngày<br>31/12/2025<br>(VND) | Chênh lệch<br>đánh giá lại kỳ<br>nay (kỳ NAV)<br>(VND)     | Chênh lệch<br>đánh giá lại<br>ngày<br>31/12/2024 (kỳ<br>NAV) (VND) | Chênh lệch<br>điều chỉnh sổ<br>kế toán kỳ này<br>(kỳ NAV)<br>(VND)  |
| Trái phiếu<br>niêm yết         | 337.633.623.159                                                   | 337.835.582.563                                                          | 201.959.404                                                | 350.399.060                                                        | (148.439.656)                                                       |
| Trái phiếu<br>chưa niêm<br>yết | 83.055.822.341                                                    | 83.055.822.341                                                           | -                                                          | -                                                                  | -                                                                   |
| Chứng chỉ<br>tiền gửi          | 63.000.000.000                                                    | 63.000.000.000                                                           | -                                                          | -                                                                  | -                                                                   |
|                                | <u>483.689.445.500</u>                                            | <u>483.891.404.904</u>                                                   | <u>201.959.404</u>                                         | <u>350.399.060</u>                                                 | <u>(148.439.656)</u>                                                |
| Từ 14/05/2024 đến 31/12/2024   |                                                                   |                                                                          |                                                            |                                                                    |                                                                     |
|                                | Giá trị mua<br>theo sổ kế toán<br>tại ngày<br>31/12/2024<br>(VND) | Giá trị trường<br>hoặc giá trị hợp<br>lý tại ngày<br>31/12/2024<br>(VND) | Chênh lệch<br>đánh giá lại<br>năm nay (kỳ<br>NAV)<br>(VND) | Chênh lệch<br>đánh giá lại<br>năm trước (kỳ<br>NAV)<br>(VND)       | Chênh lệch<br>điều chỉnh sổ<br>kế toán năm<br>nay (kỳ NAV)<br>(VND) |
| Trái phiếu<br>niêm yết         | 181.787.610.247                                                   | 182.138.009.307                                                          | 350.399.060                                                | -                                                                  | 350.399.060                                                         |
| Trái phiếu<br>chưa niêm<br>yết | 25.000.000.000                                                    | 25.000.000.000                                                           | -                                                          | -                                                                  | -                                                                   |
| Chứng chỉ<br>tiền gửi          | 70.000.000.010                                                    | 70.000.000.010                                                           | -                                                          | -                                                                  | -                                                                   |
|                                | <u>276.787.610.257</u>                                            | <u>277.138.009.317</u>                                                   | <u>350.399.060</u>                                         | <u>-</u>                                                           | <u>350.399.060</u>                                                  |

**7 . CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

|                          | Từ 01/01/2025<br>đến 31/12/2025<br>VND | Từ 14/05/2024<br>đến 31/12/2024<br>VND |
|--------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Phí giao dịch trái phiếu | 346.321.740                            | 35.929.388                             |
|                          | <u>346.321.740</u>                     | <u>35.929.388</u>                      |

**8 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

|                              | Từ 01/01/2025<br>đến 31/12/2025<br>VND | Từ 14/05/2024<br>đến 31/12/2024<br>VND |
|------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Phí ngân hàng                | 4.565.000                              | 2.200.000                              |
| Phí quản lý thường niên      | 7.500.000                              | 7.500.000                              |
| Chi thù lao Ban Đại diện Quỹ | 132.000.000                            | 83.387.097                             |
|                              | <u>144.065.000</u>                     | <u>93.087.097</u>                      |

**9 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                                            | 31/12/2025            | 31/12/2024           |
|------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                                            | VND                   | VND                  |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở                    | 352.195.641           | 689.123.584          |
| Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ               | 1.163.873.777         | 1.604.761.000        |
| Tài khoản thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư | 10.500.774            | 403.115.598          |
| Tiền phong tỏa - Mua bán chứng khoán                       | 21.370.767.269        | -                    |
| Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)         | 32.500.000.000        | 6.000.000.000        |
|                                                            | <b>55.397.337.461</b> | <b>8.697.000.182</b> |

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tiền gửi có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn 01 tháng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,75%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN**

|                            | Giá mua                | Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm | Chênh lệch đánh giá lại  |                          |     | Giá trị đánh giá lại   |
|----------------------------|------------------------|---------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----|------------------------|
|                            |                        |                                             | Chênh lệch đánh giá tăng | Chênh lệch đánh giá giảm |     |                        |
|                            | VND                    | VND                                         | VND                      | VND                      | VND | VND                    |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> |                        |                                             |                          |                          |     |                        |
| Trái phiếu niêm yết        | 337.633.623.159        | 337.835.582.563                             | 1.280.381.449            | (1.078.422.045)          |     | 337.835.582.563        |
| Trái phiếu chưa niêm yết   | 83.055.822.341         | 83.055.822.341                              | -                        | -                        |     | 83.055.822.341         |
| Chứng chỉ tiền gửi         | 63.000.000.000         | 63.000.000.000                              | -                        | -                        |     | 63.000.000.000         |
|                            | <u>483.689.445.500</u> | <u>483.891.404.904</u>                      | <u>1.280.381.449</u>     | <u>(1.078.422.045)</u>   |     | <u>483.891.404.904</u> |
| <b>Tại ngày 31/12/2024</b> |                        |                                             |                          |                          |     |                        |
| Trái phiếu niêm yết        | 181.787.610.247        | 182.138.009.307                             | 852.633.957              | (502.234.897)            |     | 182.138.009.307        |
| Trái phiếu chưa niêm yết   | 25.000.000.000         | 25.000.000.000                              | -                        | -                        |     | 25.000.000.000         |
| Chứng chỉ tiền gửi         | 70.000.000.010         | 70.000.000.010                              | -                        | -                        |     | 70.000.000.010         |
|                            | <u>276.787.610.257</u> | <u>277.138.009.317</u>                      | <u>852.633.957</u>       | <u>(502.234.897)</u>     |     | <u>277.138.009.317</u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**11 . CÁC KHOẢN PHẢI THU**

|                                            | 31/12/2025            | 31/12/2024           |
|--------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                            | VND                   | VND                  |
| Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết      | 11.185.849.804        | 4.815.604.066        |
| Dự thu tiền lãi - Trái phiếu chưa niêm yết | 935.095.891           | 640.068.493          |
| Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi    | 3.191.920.548         | 2.841.060.274        |
|                                            | <b>15.312.866.243</b> | <b>8.296.732.833</b> |

**12 . PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

|                                  | 31/12/2025            | 31/12/2024 |
|----------------------------------|-----------------------|------------|
|                                  | VND                   | VND        |
| Chi phí phải trả mua chứng khoán | 21.370.617.269        | -          |
|                                  | <b>21.370.617.269</b> | <b>-</b>   |

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

|                   | 31/12/2025        | 31/12/2024        |
|-------------------|-------------------|-------------------|
|                   | VND               | VND               |
| Chi phí kiểm toán | 32.500.000        | 15.000.000        |
|                   | <b>32.500.000</b> | <b>15.000.000</b> |

**14 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ**

|                                              | 31/12/2025           | 31/12/2024           |
|----------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                              | VND                  | VND                  |
| Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ | 1.163.873.777        | 1.604.761.000        |
|                                              | <b>1.163.873.777</b> | <b>1.604.761.000</b> |

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền nhận được từ Nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ hợp lệ và chờ phát hành.

**15 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ**

|                                                  | 31/12/2025        | 31/12/2024         |
|--------------------------------------------------|-------------------|--------------------|
|                                                  | VND               | VND                |
| Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ | 10.500.774        | 403.115.598        |
|                                                  | <b>10.500.774</b> | <b>403.115.598</b> |

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua lại chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ hợp lệ chưa hoàn thành thủ tục thanh toán.

**16 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ**

|                               | 31/12/2025         | 31/12/2024         |
|-------------------------------|--------------------|--------------------|
|                               | VND                | VND                |
| Phải trả phí dịch vụ quản lý  | 872.646.860        | 399.159.716        |
| Phải trả phí dịch vụ lưu ký   | 30.560.605         | 15.337.966         |
| Phải trả phí dịch vụ giám sát | 12.798.817         | 5.857.870          |
| Phải trả phí dịch vụ quản trị | 19.295.654         | 16.500.000         |
|                               | <b>935.301.936</b> | <b>436.855.552</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**17 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

|                                                  | <b>14/05/2024</b>      | <b>Phát sinh</b>         | <b>31/12/2024</b>        |
|--------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                  | <b>VND</b>             | <b>trong năm</b>         | <b>VND</b>               |
| <b>Từ 14/05/2024 đến 31/12/2024</b>              |                        |                          |                          |
| <b>Vốn góp phát hành</b>                         |                        |                          |                          |
| Số lượng (chứng chỉ quỹ)                         | 5.013.036,00           | 49.306.508,16            | 54.319.544,16            |
| Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân     | 10.000                 | 10.240                   | 10.217                   |
| Giá trị ghi theo mệnh giá                        | 50.130.360.000         | 493.065.081.600          | 543.195.441.600          |
| Thặng dư vốn                                     |                        | 11.814.386.369           | 11.814.386.369           |
| <b>Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ</b>      | <b>50.130.360.000</b>  | <b>504.879.467.969</b>   | <b>555.009.827.969</b>   |
| <b>Vốn góp mua lại</b>                           |                        |                          |                          |
| Số lượng (chứng chỉ quỹ)                         | -                      | 26.263.410,13            | 26.263.410,13            |
| Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân       |                        | 10.312                   | 10.312                   |
| Giá trị ghi theo mệnh giá                        |                        | 262.634.101.300          | 262.634.101.300          |
| Thặng dư vốn                                     | -                      | 8.188.723.772            | 8.188.723.772            |
| <b>Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ</b>        | <b>-</b>               | <b>270.822.825.072</b>   | <b>270.822.825.072</b>   |
| <b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>          | <b>5.013.036,00</b>    | <b>23.043.098,03</b>     | <b>28.056.134,03</b>     |
| <b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>                 | <b>50.130.360.000</b>  | <b>234.056.642.897</b>   | <b>284.187.002.897</b>   |
| <b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>                  |                        | <b>7.485.007.285</b>     | <b>7.485.007.285</b>     |
| <b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ</b>              | <b>50.130.360.000</b>  |                          | <b>291.672.010.182</b>   |
| <b>Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ</b> | <b>10.000</b>          |                          | <b>10.396</b>            |
|                                                  | <b>31/12/2024</b>      | <b>Phát sinh</b>         | <b>31/12/2025</b>        |
|                                                  | <b>VND</b>             | <b>trong năm</b>         | <b>VND</b>               |
| <b>Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025</b>              |                        |                          |                          |
| <b>Vốn góp phát hành</b>                         |                        |                          |                          |
| Số lượng (chứng chỉ quỹ)                         | 54.319.544,16          | 168.856.331,32           | 223.175.875,48           |
| Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân     | 10.217                 | 10.779                   | 10.642                   |
| Giá trị ghi theo mệnh giá                        | 543.195.441.600        | 1.688.563.313.200        | 2.231.758.754.800        |
| Thặng dư vốn                                     | 11.814.386.369         | 131.513.518.497          | 143.327.904.866          |
| <b>Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ</b>      | <b>555.009.827.969</b> | <b>1.820.076.831.697</b> | <b>2.375.086.659.666</b> |
| <b>Vốn góp mua lại</b>                           |                        |                          |                          |
| Số lượng (chứng chỉ quỹ)                         | 26.263.410,13          | 148.803.824              | 175.067.234,16           |
| Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân       | 10.312                 | 10.840                   | 10.760                   |
| Giá trị ghi theo mệnh giá                        | 262.634.101.300        | 1.488.038.240.300        | 1.750.672.341.600        |
| Thặng dư vốn                                     | 8.188.723.772          | 124.939.673.883          | 133.128.397.655          |
| <b>Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ</b>        | <b>270.822.825.072</b> | <b>1.612.977.914.183</b> | <b>1.883.800.739.255</b> |
| <b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>          | <b>28.056.134,03</b>   | <b>20.052.507,29</b>     | <b>48.108.641,32</b>     |
| <b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>                 | <b>284.187.002.897</b> | <b>207.098.917.514</b>   | <b>491.285.920.411</b>   |
| <b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>                  | <b>7.485.007.285</b>   | <b>32.317.887.156</b>    | <b>39.802.894.441</b>    |
| <b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ</b>              | <b>291.672.010.182</b> |                          | <b>531.088.814.852</b>   |
| <b>Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ</b> | <b>10.396</b>          |                          | <b>11.039</b>            |

**18 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

|                          | 31/12/2025            | 31/12/2024           |
|--------------------------|-----------------------|----------------------|
|                          | VND                   | VND                  |
| Lợi nhuận đã thực hiện   | 39.600.935.037        | 7.134.608.225        |
| Lợi nhuận chưa thực hiện | 201.959.404           | 350.399.060          |
|                          | <b>39.802.894.441</b> | <b>7.485.007.285</b> |

**19 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ MỞ**

| Chỉ tiêu                      | Từ 01/01/2025<br>đến 31/12/2025 | Từ 14/05/2024<br>đến 31/12/2024 |
|-------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)   | 1,75%                           | 1,91%                           |
| Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 162,76%                         | 119,16%                         |

*Tỷ lệ chi phí hoạt động*

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ mở tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động \* 100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm.

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chỉ tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ mở (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ quỹ;
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

*Tốc độ vòng quay danh mục*

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ mở trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong năm + Tổng giá trị bán trong năm) / 2 \* 100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm.

**20 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết, các khoản phải thu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi các khoản chứng khoán đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Để hạn chế những rủi ro về lãi suất có thể làm ảnh hưởng tới giá trị đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất trong từng giai đoạn để có các quyết định phân bổ tài sản phù hợp. Đối với phần tài sản phân bổ vào trái phiếu, Quỹ sẽ giữ kỳ hạn của các trái phiếu một cách phù hợp tương ứng với các kỳ vọng về lãi suất.

***Độ nhạy đối với lãi suất***

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

***Rủi ro tiền tệ***

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong kỳ, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

***Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết***

Các trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt, các loại trái phiếu Quỹ nắm giữ là trái phiếu niêm yết hoặc chưa niêm yết của những doanh nghiệp lớn tại Việt Nam và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính có thanh khoản cao, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**21 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**

Giá trị tài sản ròng từ khi thành lập đến ngày 31/12/2024 như sau:

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng |                               | NAV/CCQ tại ngày tính NAV |      | Tăng/(giảm) NAV/CCQ |
|-----|---------------|----------------------|-------------------------------|---------------------------|------|---------------------|
|     |               | VND                  | Số lượng chứng chỉ quỹ<br>CCQ | VND                       | VND  |                     |
| 1   | 14/05/2024    | 50.130.360.000       | 5.013.036,00                  | 10.000                    | -    |                     |
| 2   | 23/05/2024    | 50.122.172.058       | 5.013.036,00                  | 9.998                     | (2)  |                     |
| 3   | 24/05/2024    | 50.640.656.206       | 5.064.268,12                  | 10.000                    | 2    |                     |
| 4   | 27/05/2024    | 55.210.507.124       | 5.518.976,72                  | 10.004                    | 4    |                     |
| 5   | 28/05/2024    | 57.122.394.125       | 5.709.389,41                  | 10.005                    | 1    |                     |
| 6   | 29/05/2024    | 57.654.705.039       | 5.761.884,72                  | 10.006                    | 1    |                     |
| 7   | 30/05/2024    | 59.643.596.926       | 5.959.882,84                  | 10.008                    | 2    |                     |
| 8   | 31/05/2024    | 60.179.399.215       | 6.012.650,78                  | 10.009                    | 1    |                     |
| 9   | 01/06/2024    | 60.665.948.504       | 6.061.206,14                  | 10.009                    | -    |                     |
| 10  | 03/06/2024    | 60.681.175.503       | 6.061.206,14                  | 10.011                    | 2    |                     |
| 11  | 04/06/2024    | 60.742.121.665       | 6.065.885,93                  | 10.014                    | 3    |                     |
| 12  | 05/06/2024    | 63.772.617.777       | 6.367.906,40                  | 10.015                    | 1    |                     |
| 13  | 06/06/2024    | 64.518.834.447       | 6.422.556,31                  | 10.046                    | 31   |                     |
| 14  | 07/06/2024    | 66.678.664.768       | 6.646.362,98                  | 10.032                    | (14) |                     |
| 15  | 10/06/2024    | 70.287.405.499       | 7.007.778,30                  | 10.030                    | (2)  |                     |
| 16  | 11/06/2024    | 72.529.512.622       | 7.228.968,69                  | 10.033                    | 3    |                     |
| 17  | 12/06/2024    | 75.971.585.184       | 7.569.490,04                  | 10.037                    | 4    |                     |
| 18  | 13/06/2024    | 77.498.880.770       | 7.718.763,21                  | 10.040                    | 3    |                     |
| 19  | 14/06/2024    | 79.422.698.835       | 7.909.448,15                  | 10.041                    | 1    |                     |
| 20  | 17/06/2024    | 80.597.492.256       | 8.023.982,14                  | 10.045                    | 4    |                     |
| 21  | 18/06/2024    | 81.143.545.954       | 8.077.522,32                  | 10.046                    | 1    |                     |
| 22  | 19/06/2024    | 81.313.926.387       | 8.084.961,05                  | 10.057                    | 11   |                     |
| 23  | 20/06/2024    | 81.875.977.340       | 8.139.652,20                  | 10.059                    | 2    |                     |
| 24  | 21/06/2024    | 82.842.175.513       | 8.232.648,75                  | 10.063                    | 4    |                     |
| 25  | 24/06/2024    | 84.359.583.942       | 8.388.718,89                  | 10.056                    | (7)  |                     |
| 26  | 25/06/2024    | 85.018.579.558       | 8.448.891,64                  | 10.063                    | 7    |                     |
| 27  | 26/06/2024    | 86.010.530.536       | 8.535.080,32                  | 10.077                    | 14   |                     |
| 28  | 27/06/2024    | 85.918.306.416       | 8.524.675,71                  | 10.079                    | 2    |                     |
| 29  | 28/06/2024    | 85.908.858.107       | 8.520.470,92                  | 10.083                    | 4    |                     |
| 30  | 01/07/2024    | 86.238.540.267       | 8.551.569,57                  | 10.085                    | 2    |                     |
| 31  | 02/07/2024    | 87.459.708.591       | 8.677.608,42                  | 10.079                    | (6)  |                     |
| 32  | 03/07/2024    | 88.076.744.181       | 8.731.122,36                  | 10.088                    | 9    |                     |
| 33  | 04/07/2024    | 89.385.359.085       | 8.850.723,07                  | 10.099                    | 11   |                     |
| 34  | 05/07/2024    | 90.025.528.231       | 8.917.030,03                  | 10.096                    | (3)  |                     |
| 35  | 08/07/2024    | 91.158.871.876       | 9.019.233,10                  | 10.107                    | 11   |                     |
| 36  | 09/07/2024    | 91.881.559.177       | 9.087.242,80                  | 10.111                    | 4    |                     |
| 37  | 10/07/2024    | 92.831.933.423       | 9.170.087,99                  | 10.123                    | 12   |                     |
| 38  | 11/07/2024    | 93.962.889.768       | 9.280.889,50                  | 10.124                    | 1    |                     |
| 39  | 12/07/2024    | 95.993.437.499       | 9.485.258,19                  | 10.120                    | (4)  |                     |
| 40  | 15/07/2024    | 98.433.673.974       | 9.711.389,97                  | 10.136                    | 16   |                     |
| 41  | 16/07/2024    | 102.128.253.911      | 10.071.886,54                 | 10.140                    | 4    |                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

| STT | Ngày định<br>giá | Giá trị tài sản ròng<br>VND | Số lượng<br>chứng chỉ quỹ<br>CCQ | NAV/CCQ tại<br>ngày tính NAV<br>VND | Tăng/(giảm)<br>NAV/CCQ<br>VND |
|-----|------------------|-----------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|
|     |                  |                             |                                  |                                     |                               |
| 42  | 17/07/2024       | 107.506.888.242             | 10.585.035,70                    | 10.156                              | 16                            |
| 43  | 18/07/2024       | 108.526.459.946             | 10.685.292,43                    | 10.157                              | 1                             |
| 44  | 19/07/2024       | 110.809.974.721             | 10.912.956,00                    | 10.154                              | (3)                           |
| 45  | 22/07/2024       | 113.265.544.427             | 11.159.269,53                    | 10.150                              | (4)                           |
| 46  | 23/07/2024       | 116.364.512.263             | 11.451.191,97                    | 10.162                              | 12                            |
| 47  | 24/07/2024       | 118.030.894.228             | 11.615.976,16                    | 10.161                              | (1)                           |
| 48  | 25/07/2024       | 118.505.684.761             | 11.678.721,63                    | 10.147                              | (14)                          |
| 49  | 26/07/2024       | 119.134.847.990             | 11.741.277,97                    | 10.147                              | -                             |
| 50  | 29/07/2024       | 119.405.914.515             | 11.763.846,88                    | 10.150                              | 3                             |
| 51  | 30/07/2024       | 122.361.850.505             | 12.038.154,12                    | 10.165                              | 15                            |
| 52  | 31/07/2024       | 124.744.492.347             | 12.270.132,22                    | 10.167                              | 2                             |
| 53  | 01/08/2024       | 130.986.322.636             | 12.862.091,56                    | 10.184                              | 17                            |
| 54  | 02/08/2024       | 136.687.075.493             | 13.444.042,51                    | 10.167                              | (17)                          |
| 55  | 05/08/2024       | 141.933.483.827             | 13.958.793,75                    | 10.168                              | 1                             |
| 56  | 06/08/2024       | 143.675.781.797             | 14.127.592,21                    | 10.170                              | 2                             |
| 57  | 07/08/2024       | 150.115.596.694             | 14.732.868,39                    | 10.189                              | 19                            |
| 58  | 08/08/2024       | 150.778.544.654             | 14.827.639,65                    | 10.169                              | (20)                          |
| 59  | 09/08/2024       | 154.437.879.613             | 15.181.049,17                    | 10.173                              | 4                             |
| 60  | 12/08/2024       | 164.730.473.030             | 16.203.628,22                    | 10.166                              | (7)                           |
| 61  | 13/08/2024       | 170.682.355.179             | 16.769.025,75                    | 10.178                              | 12                            |
| 62  | 14/08/2024       | 177.431.570.659             | 17.429.797,45                    | 10.180                              | 2                             |
| 63  | 15/08/2024       | 180.161.216.218             | 17.695.428,18                    | 10.181                              | 1                             |
| 64  | 16/08/2024       | 183.826.097.260             | 18.034.518,23                    | 10.193                              | 12                            |
| 65  | 19/08/2024       | 185.278.536.625             | 18.164.971,57                    | 10.200                              | 7                             |
| 66  | 20/08/2024       | 191.680.625.711             | 18.790.695,20                    | 10.201                              | 1                             |
| 67  | 21/08/2024       | 193.171.395.084             | 18.907.966,52                    | 10.216                              | 15                            |
| 68  | 22/08/2024       | 195.150.627.702             | 19.121.044,10                    | 10.206                              | (10)                          |
| 69  | 23/08/2024       | 197.571.309.224             | 19.385.052,17                    | 10.192                              | (14)                          |
| 70  | 26/08/2024       | 199.337.619.201             | 19.552.398,04                    | 10.195                              | 3                             |
| 71  | 27/08/2024       | 201.497.770.604             | 19.760.888,78                    | 10.197                              | 2                             |
| 72  | 28/08/2024       | 205.544.240.235             | 20.144.149,18                    | 10.204                              | 7                             |
| 73  | 29/08/2024       | 208.833.560.593             | 20.466.776,75                    | 10.204                              | -                             |
| 74  | 30/08/2024       | 210.794.781.069             | 20.640.671,08                    | 10.213                              | 9                             |
| 75  | 01/09/2024       | 215.174.694.852             | 21.062.216,45                    | 10.216                              | 3                             |
| 76  | 04/09/2024       | 215.271.641.872             | 21.062.216,45                    | 10.221                              | 5                             |
| 77  | 05/09/2024       | 221.822.667.204             | 21.698.444,23                    | 10.223                              | 2                             |
| 78  | 06/09/2024       | 223.557.326.766             | 21.847.093,91                    | 10.233                              | 10                            |
| 79  | 09/09/2024       | 226.871.995.332             | 22.165.427,32                    | 10.235                              | 2                             |
| 80  | 10/09/2024       | 230.479.905.068             | 22.512.291,84                    | 10.238                              | 3                             |
| 81  | 11/09/2024       | 231.020.112.560             | 22.541.754,32                    | 10.249                              | 11                            |
| 82  | 12/09/2024       | 232.674.670.394             | 22.699.886,12                    | 10.250                              | 1                             |
| 83  | 13/09/2024       | 235.652.016.087             | 23.003.630,70                    | 10.244                              | (6)                           |
| 84  | 16/09/2024       | 240.438.269.738             | 23.460.976,84                    | 10.248                              | 4                             |
| 85  | 17/09/2024       | 244.706.632.656             | 23.872.469,28                    | 10.251                              | 3                             |
| 86  | 18/09/2024       | 249.334.660.575             | 24.339.740,71                    | 10.244                              | (7)                           |
| 87  | 19/09/2024       | 251.683.788.011             | 24.568.988,15                    | 10.244                              | -                             |
| 88  | 20/09/2024       | 256.090.511.895             | 24.993.287,74                    | 10.246                              | 2                             |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng | Số lượng chứng chỉ quỹ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV | Tăng/(giảm) NAV/CCQ |
|-----|---------------|----------------------|------------------------|---------------------------|---------------------|
|     |               | VND                  | CCQ                    | VND                       | VND                 |
| 89  | 23/09/2024    | 258.333.017.065      | 25.213.996,16          | 10.246                    | -                   |
| 90  | 24/09/2024    | 265.907.375.041      | 25.909.054,72          | 10.263                    | 17                  |
| 91  | 25/09/2024    | 260.403.391.905      | 25.385.057,28          | 10.258                    | (5)                 |
| 92  | 26/09/2024    | 266.482.474.042      | 25.971.551,18          | 10.261                    | 3                   |
| 93  | 27/09/2024    | 271.190.621.152      | 26.416.756,62          | 10.266                    | 5                   |
| 94  | 30/09/2024    | 274.442.584.345      | 26.723.808,97          | 10.270                    | 4                   |
| 95  | 01/10/2024    | 284.309.229.852      | 27.680.750,07          | 10.271                    | 1                   |
| 96  | 02/10/2024    | 282.388.496.231      | 27.496.180,59          | 10.270                    | (1)                 |
| 97  | 03/10/2024    | 283.065.183.569      | 27.551.111,58          | 10.274                    | 4                   |
| 98  | 04/10/2024    | 285.384.003.976      | 27.792.935,75          | 10.268                    | (6)                 |
| 99  | 07/10/2024    | 285.557.669.574      | 27.798.738,81          | 10.272                    | 4                   |
| 100 | 08/10/2024    | 288.417.324.928      | 28.067.219,12          | 10.276                    | 4                   |
| 101 | 09/10/2024    | 291.552.891.059      | 28.356.795,51          | 10.282                    | 6                   |
| 102 | 10/10/2024    | 293.575.318.724      | 28.558.287,66          | 10.280                    | (2)                 |
| 103 | 11/10/2024    | 298.803.936.335      | 29.055.835,34          | 10.284                    | 4                   |
| 104 | 14/10/2024    | 299.839.262.695      | 29.140.518,66          | 10.289                    | 5                   |
| 105 | 15/10/2024    | 306.007.873.020      | 29.734.867,57          | 10.291                    | 2                   |
| 106 | 16/10/2024    | 302.872.775.525      | 29.429.828,44          | 10.291                    | -                   |
| 107 | 17/10/2024    | 305.971.049.726      | 29.725.986,50          | 10.293                    | 2                   |
| 108 | 18/10/2024    | 304.358.497.890      | 29.552.629,31          | 10.299                    | 6                   |
| 109 | 21/10/2024    | 305.961.708.018      | 29.707.726,86          | 10.299                    | -                   |
| 110 | 22/10/2024    | 311.288.426.472      | 30.212.485,15          | 10.303                    | 4                   |
| 111 | 23/10/2024    | 314.762.602.293      | 30.564.104,66          | 10.298                    | (5)                 |
| 112 | 24/10/2024    | 315.278.468.309      | 30.626.339,25          | 10.294                    | (4)                 |
| 113 | 25/10/2024    | 318.414.560.689      | 30.941.085,89          | 10.291                    | (3)                 |
| 114 | 28/10/2024    | 320.549.074.327      | 31.128.911,19          | 10.297                    | 6                   |
| 115 | 29/10/2024    | 321.080.949.780      | 31.156.377,94          | 10.305                    | 8                   |
| 116 | 30/10/2024    | 320.425.375.647      | 31.090.274,19          | 10.306                    | 1                   |
| 117 | 31/10/2024    | 321.202.900.053      | 31.160.470,66          | 10.308                    | 2                   |
| 118 | 01/11/2024    | 322.611.957.900      | 31.289.160,89          | 10.311                    | 3                   |
| 119 | 04/11/2024    | 323.246.516.450      | 31.352.295,75          | 10.310                    | (1)                 |
| 120 | 05/11/2024    | 323.520.847.046      | 31.367.605,58          | 10.314                    | 4                   |
| 121 | 06/11/2024    | 324.241.644.635      | 31.439.941,16          | 10.313                    | (1)                 |
| 122 | 07/11/2024    | 329.631.762.192      | 31.934.108,01          | 10.322                    | 9                   |
| 123 | 08/11/2024    | 332.581.251.298      | 32.201.761,27          | 10.328                    | 6                   |
| 124 | 11/11/2024    | 327.817.061.323      | 31.737.761,90          | 10.329                    | 1                   |
| 125 | 12/11/2024    | 330.220.401.485      | 31.954.476,91          | 10.334                    | 5                   |
| 126 | 13/11/2024    | 329.970.057.901      | 31.920.683,65          | 10.337                    | 3                   |
| 127 | 14/11/2024    | 329.704.219.147      | 31.887.924,57          | 10.339                    | 2                   |
| 128 | 15/11/2024    | 335.042.392.596      | 32.418.666,20          | 10.335                    | (4)                 |
| 129 | 18/11/2024    | 337.382.409.639      | 32.644.664,27          | 10.335                    | -                   |
| 130 | 19/11/2024    | 339.978.841.298      | 32.894.151,53          | 10.336                    | 1                   |
| 131 | 20/11/2024    | 339.438.020.171      | 32.832.953,18          | 10.338                    | 2                   |
| 132 | 21/11/2024    | 338.478.594.040      | 32.737.903,85          | 10.339                    | 1                   |
| 133 | 22/11/2024    | 337.279.235.580      | 32.604.426,22          | 10.345                    | 6                   |
| 134 | 25/11/2024    | 323.930.527.994      | 31.284.088,41          | 10.354                    | 9                   |
| 135 | 26/11/2024    | 328.459.805.905      | 31.673.153,39          | 10.370                    | 16                  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng | Số lượng chứng chỉ quỹ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV | Tăng/(giảm) NAV/CCQ |
|-----|---------------|----------------------|------------------------|---------------------------|---------------------|
|     |               | VND                  | CCQ                    | VND                       | VND                 |
| 136 | 27/11/2024    | 329.773.440.776      | 31.823.072,91          | 10.363                    | (7)                 |
| 137 | 28/11/2024    | 329.534.549.504      | 31.798.516,13          | 10.363                    | -                   |
| 138 | 29/11/2024    | 328.758.805.401      | 31.744.054,79          | 10.357                    | (6)                 |
| 139 | 01/12/2024    | 328.434.844.557      | 31.721.978,31          | 10.354                    | (3)                 |
| 140 | 02/12/2024    | 328.488.553.919      | 31.721.978,31          | 10.355                    | 1                   |
| 141 | 03/12/2024    | 330.722.790.134      | 31.913.050,42          | 10.363                    | 8                   |
| 142 | 04/12/2024    | 330.049.835.882      | 31.863.077,10          | 10.358                    | (5)                 |
| 143 | 05/12/2024    | 331.892.963.620      | 32.019.523,25          | 10.365                    | 7                   |
| 144 | 06/12/2024    | 329.898.220.573      | 31.823.221,92          | 10.367                    | 2                   |
| 145 | 09/12/2024    | 328.228.670.005      | 31.672.382,79          | 10.363                    | (4)                 |
| 146 | 10/12/2024    | 329.416.208.724      | 31.773.054,04          | 10.368                    | 5                   |
| 147 | 11/12/2024    | 323.163.871.556      | 31.163.280,03          | 10.370                    | 2                   |
| 148 | 12/12/2024    | 321.746.329.261      | 31.009.273,84          | 10.376                    | 6                   |
| 149 | 13/12/2024    | 319.633.146.444      | 30.800.856,18          | 10.377                    | 1                   |
| 150 | 16/12/2024    | 318.169.395.629      | 30.645.792,81          | 10.382                    | 5                   |
| 151 | 17/12/2024    | 318.652.725.566      | 30.686.253,39          | 10.384                    | 2                   |
| 152 | 18/12/2024    | 313.019.724.058      | 30.165.544,73          | 10.377                    | (7)                 |
| 153 | 19/12/2024    | 312.083.869.675      | 30.071.342,72          | 10.378                    | 1                   |
| 154 | 20/12/2024    | 309.566.368.683      | 29.827.585,57          | 10.379                    | 1                   |
| 155 | 23/12/2024    | 306.556.417.246      | 29.539.473,62          | 10.378                    | (1)                 |
| 156 | 24/12/2024    | 305.125.896.119      | 29.396.889,41          | 10.380                    | 2                   |
| 157 | 25/12/2024    | 303.918.312.341      | 29.280.448,26          | 10.380                    | -                   |
| 158 | 26/12/2024    | 301.482.305.670      | 29.028.248,72          | 10.386                    | 6                   |
| 159 | 27/12/2024    | 297.781.894.484      | 28.654.740,14          | 10.392                    | 6                   |
| 160 | 30/12/2024    | 296.265.140.150      | 28.506.041,15          | 10.393                    | 1                   |
| 161 | 31/12/2024    | 292.750.521.893      | 28.157.492,43          | 10.397                    | 4                   |
| 162 | 01/01/2025    | 291.672.010.182      | 28.056.134,03          | 10.396                    | (1)                 |

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm

209.246.874.433

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức thấp nhất trong năm

-

- Mức cao nhất trong năm

31

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 như sau:

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng<br>VND | Số lượng<br>chứng chỉ quỹ<br>CCQ | NAV/CCQ tại<br>ngày tính NAV<br>VND | Tăng/(giảm)<br>NAV/CCQ<br>VND |
|-----|---------------|-----------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|
| 1   | 01/01/2025    | 291.672.010.182             | 28.056.134,03                    | 10.396                              | -                             |
| 2   | 02/01/2025    | 291.722.110.012             | 28.056.134,03                    | 10.398                              | 2                             |
| 3   | 03/01/2025    | 290.956.487.970             | 27.977.810,70                    | 10.400                              | 4                             |
| 4   | 06/01/2025    | 288.446.629.078             | 27.727.037,82                    | 10.403                              | 3                             |
| 5   | 07/01/2025    | 289.749.398.580             | 27.833.886,90                    | 10.410                              | 7                             |
| 6   | 08/01/2025    | 286.081.468.618             | 27.503.144,42                    | 10.402                              | (8)                           |
| 7   | 09/01/2025    | 280.826.784.703             | 26.988.337,91                    | 10.405                              | 3                             |
| 8   | 10/01/2025    | 276.845.325.003             | 26.609.320,16                    | 10.404                              | (1)                           |
| 9   | 13/01/2025    | 278.475.439.274             | 26.753.296,25                    | 10.409                              | 5                             |
| 10  | 14/01/2025    | 280.312.880.453             | 26.928.909,13                    | 10.409                              | -                             |
| 11  | 15/01/2025    | 277.363.140.189             | 26.626.264,61                    | 10.417                              | 8                             |
| 12  | 16/01/2025    | 275.982.595.158             | 26.462.965,71                    | 10.429                              | 12                            |
| 13  | 17/01/2025    | 270.457.624.944             | 25.929.972,76                    | 10.430                              | 1                             |
| 14  | 20/01/2025    | 271.477.553.801             | 26.014.251,55                    | 10.436                              | 6                             |
| 15  | 21/01/2025    | 271.026.631.307             | 25.966.610,76                    | 10.438                              | 2                             |
| 16  | 22/01/2025    | 269.109.367.532             | 25.783.532,91                    | 10.437                              | (1)                           |
| 17  | 23/01/2025    | 268.459.687.466             | 25.716.773,05                    | 10.439                              | 2                             |
| 18  | 24/01/2025    | 269.409.963.992             | 25.798.230,72                    | 10.443                              | 4                             |
| 19  | 30/01/2025    | 274.138.652.117             | 26.201.014,48                    | 10.463                              | 20                            |
| 20  | 01/02/2025    | 274.232.180.476             | 26.201.014,48                    | 10.466                              | 3                             |
| 21  | 03/02/2025    | 274.324.794.239             | 26.201.014,48                    | 10.470                              | 4                             |
| 22  | 04/02/2025    | 274.704.483.581             | 26.232.884,84                    | 10.472                              | 2                             |
| 23  | 05/02/2025    | 274.935.793.468             | 26.245.683,39                    | 10.475                              | 3                             |
| 24  | 06/02/2025    | 275.627.921.869             | 26.314.192,36                    | 10.474                              | (1)                           |
| 25  | 07/02/2025    | 274.989.612.706             | 26.248.858,72                    | 10.476                              | 2                             |
| 26  | 10/02/2025    | 274.895.803.336             | 26.236.399,83                    | 10.478                              | 2                             |
| 27  | 11/02/2025    | 279.377.271.841             | 26.658.746,28                    | 10.480                              | 2                             |
| 28  | 12/02/2025    | 278.905.776.659             | 26.611.051,36                    | 10.481                              | 1                             |
| 29  | 13/02/2025    | 278.752.776.615             | 26.598.835,80                    | 10.480                              | (1)                           |
| 30  | 14/02/2025    | 276.205.277.287             | 26.349.503,28                    | 10.482                              | 2                             |
| 31  | 17/02/2025    | 279.441.693.315             | 26.644.954,39                    | 10.488                              | 6                             |
| 32  | 18/02/2025    | 282.776.472.285             | 26.967.192,53                    | 10.486                              | (2)                           |
| 33  | 19/02/2025    | 284.533.567.273             | 27.130.643,24                    | 10.488                              | 2                             |
| 34  | 20/02/2025    | 281.358.651.165             | 26.832.765,76                    | 10.486                              | (2)                           |
| 35  | 21/02/2025    | 280.258.405.433             | 26.729.052,72                    | 10.485                              | (1)                           |
| 36  | 24/02/2025    | 282.843.865.142             | 26.962.559,28                    | 10.490                              | 5                             |
| 37  | 25/02/2025    | 287.712.931.779             | 27.430.668,10                    | 10.489                              | (1)                           |
| 38  | 26/02/2025    | 287.786.074.439             | 27.419.951,18                    | 10.495                              | 6                             |
| 39  | 27/02/2025    | 284.785.617.400             | 27.117.102,89                    | 10.502                              | 7                             |
| 40  | 28/02/2025    | 282.734.444.202             | 26.917.803,75                    | 10.504                              | 2                             |
| 41  | 01/03/2025    | 282.016.531.548             | 26.863.368,06                    | 10.498                              | (6)                           |
| 42  | 03/03/2025    | 282.111.344.770             | 26.863.368,06                    | 10.502                              | 4                             |
| 43  | 04/03/2025    | 285.914.235.016             | 27.215.521,70                    | 10.506                              | 4                             |
| 44  | 05/03/2025    | 286.556.298.582             | 27.265.730,35                    | 10.510                              | 4                             |
| 45  | 06/03/2025    | 289.730.261.375             | 27.563.318,77                    | 10.511                              | 1                             |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng<br>VND | Số lượng<br>chứng chỉ quỹ<br>CCQ | NAV/CCQ tại ngày<br>tính NAV<br>VND | Tăng/(giảm)<br>NAV/CCQ<br>VND |
|-----|---------------|-----------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|
| 46  | 07/03/2025    | 290.061.716.603             | 27.589.495,68                    | 10.513                              | 2                             |
| 47  | 10/03/2025    | 288.598.743.391             | 27.458.769,24                    | 10.510                              | (3)                           |
| 48  | 11/03/2025    | 292.511.401.144             | 27.826.195,46                    | 10.512                              | 2                             |
| 49  | 12/03/2025    | 291.975.331.219             | 27.782.959,67                    | 10.509                              | (3)                           |
| 50  | 13/03/2025    | 290.306.963.417             | 27.626.190,54                    | 10.508                              | (1)                           |
| 51  | 14/03/2025    | 291.440.566.936             | 27.707.061,95                    | 10.519                              | 11                            |
| 52  | 17/03/2025    | 290.366.256.944             | 27.607.005,10                    | 10.518                              | (1)                           |
| 53  | 18/03/2025    | 291.617.899.150             | 27.711.276,66                    | 10.523                              | 5                             |
| 54  | 19/03/2025    | 291.429.951.362             | 27.686.491,03                    | 10.526                              | 3                             |
| 55  | 20/03/2025    | 293.857.971.895             | 27.901.179,77                    | 10.532                              | 6                             |
| 56  | 21/03/2025    | 292.375.682.031             | 27.770.499,65                    | 10.528                              | (4)                           |
| 57  | 24/03/2025    | 291.050.727.298             | 27.620.171,85                    | 10.538                              | 10                            |
| 58  | 25/03/2025    | 294.970.331.437             | 27.987.680,83                    | 10.539                              | 1                             |
| 59  | 26/03/2025    | 294.469.302.105             | 27.904.726,68                    | 10.553                              | 14                            |
| 60  | 27/03/2025    | 292.216.978.163             | 27.734.846,55                    | 10.536                              | (17)                          |
| 61  | 28/03/2025    | 289.048.065.498             | 27.401.460,64                    | 10.549                              | 13                            |
| 62  | 31/03/2025    | 294.093.038.777             | 27.885.957,41                    | 10.546                              | (3)                           |
| 63  | 01/04/2025    | 295.379.952.920             | 27.986.653,26                    | 10.554                              | 8                             |
| 64  | 02/04/2025    | 294.068.028.941             | 27.845.092,38                    | 10.561                              | 7                             |
| 65  | 03/04/2025    | 292.241.528.687             | 27.668.066,93                    | 10.562                              | 1                             |
| 66  | 04/04/2025    | 290.032.014.795             | 27.461.944,60                    | 10.561                              | (1)                           |
| 67  | 08/04/2025    | 289.327.675.955             | 27.365.893,27                    | 10.573                              | 12                            |
| 68  | 09/04/2025    | 290.102.765.577             | 27.423.616,43                    | 10.579                              | 6                             |
| 69  | 10/04/2025    | 284.050.886.428             | 26.856.664,43                    | 10.577                              | (2)                           |
| 70  | 11/04/2025    | 285.006.915.695             | 26.923.055,32                    | 10.586                              | 9                             |
| 71  | 14/04/2025    | 286.435.136.784             | 27.071.699,32                    | 10.581                              | (5)                           |
| 72  | 15/04/2025    | 289.349.728.381             | 27.360.014,95                    | 10.576                              | (5)                           |
| 73  | 16/04/2025    | 286.982.899.424             | 27.147.940,53                    | 10.571                              | (5)                           |
| 74  | 17/04/2025    | 291.877.135.718             | 27.624.551,75                    | 10.566                              | (5)                           |
| 75  | 18/04/2025    | 296.141.651.038             | 27.981.430,08                    | 10.584                              | 18                            |
| 76  | 21/04/2025    | 298.086.807.167             | 28.121.645,16                    | 10.600                              | 16                            |
| 77  | 22/04/2025    | 303.511.480.404             | 28.621.896,09                    | 10.604                              | 4                             |
| 78  | 23/04/2025    | 310.558.741.761             | 29.282.118,01                    | 10.606                              | 2                             |
| 79  | 24/04/2025    | 310.520.923.597             | 29.289.694,37                    | 10.602                              | (4)                           |
| 80  | 25/04/2025    | 310.549.451.139             | 29.289.961,86                    | 10.603                              | 1                             |
| 81  | 28/04/2025    | 314.386.383.562             | 29.622.447,20                    | 10.613                              | 10                            |
| 82  | 29/04/2025    | 319.777.164.273             | 30.111.142,28                    | 10.620                              | 7                             |
| 83  | 01/05/2025    | 322.091.121.519             | 30.313.407,88                    | 10.625                              | 5                             |
| 84  | 05/05/2025    | 322.299.221.032             | 30.313.407,88                    | 10.632                              | 7                             |
| 85  | 06/05/2025    | 323.723.957.363             | 30.438.482,29                    | 10.635                              | 3                             |
| 86  | 07/05/2025    | 319.888.835.976             | 30.077.046,91                    | 10.636                              | 1                             |
| 87  | 08/05/2025    | 320.090.012.661             | 30.092.214,92                    | 10.637                              | 1                             |
| 88  | 09/05/2025    | 331.322.344.450             | 31.138.216,88                    | 10.640                              | 3                             |
| 89  | 12/05/2025    | 336.053.516.025             | 31.567.209,53                    | 10.646                              | 6                             |
| 90  | 13/05/2025    | 341.307.541.960             | 32.037.440,91                    | 10.653                              | 7                             |
| 91  | 14/05/2025    | 346.177.233.644             | 32.501.038,65                    | 10.651                              | (2)                           |
| 92  | 15/05/2025    | 358.542.385.338             | 33.671.450,01                    | 10.648                              | (3)                           |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng<br>VND | Số lượng<br>chứng chỉ quỹ<br>CCQ | NAV/CCQ tại ngày<br>tính NAV<br>VND | Tăng/(giảm)<br>NAV/CCQ<br>VND |
|-----|---------------|-----------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|
| 93  | 16/05/2025    | 366.840.472.140             | 34.422.782,46                    | 10.657                              | 9                             |
| 94  | 19/05/2025    | 368.811.949.091             | 34.621.808,62                    | 10.653                              | (4)                           |
| 95  | 20/05/2025    | 371.592.438.266             | 34.846.022,22                    | 10.664                              | 11                            |
| 96  | 21/05/2025    | 378.611.303.119             | 35.527.573,88                    | 10.657                              | (7)                           |
| 97  | 22/05/2025    | 378.891.848.733             | 35.545.143,32                    | 10.659                              | 2                             |
| 98  | 23/05/2025    | 385.425.567.161             | 36.143.328,69                    | 10.664                              | 5                             |
| 99  | 26/05/2025    | 390.105.954.184             | 36.564.010,34                    | 10.669                              | 5                             |
| 100 | 27/05/2025    | 395.718.761.418             | 37.110.707,61                    | 10.663                              | (6)                           |
| 101 | 28/05/2025    | 396.157.049.039             | 37.159.668,25                    | 10.661                              | (2)                           |
| 102 | 29/05/2025    | 399.191.648.734             | 37.461.930,60                    | 10.656                              | (5)                           |
| 103 | 30/05/2025    | 399.974.979.115             | 37.568.318,98                    | 10.647                              | (9)                           |
| 104 | 01/06/2025    | 408.441.975.093             | 38.358.249,56                    | 10.648                              | 1                             |
| 105 | 02/06/2025    | 408.508.799.984             | 38.358.249,56                    | 10.650                              | 2                             |
| 106 | 03/06/2025    | 413.633.386.684             | 38.787.437,72                    | 10.664                              | 14                            |
| 107 | 04/06/2025    | 417.008.462.182             | 39.133.402,96                    | 10.656                              | (8)                           |
| 108 | 05/06/2025    | 422.764.256.728             | 39.664.190,93                    | 10.659                              | 3                             |
| 109 | 06/06/2025    | 423.804.545.877             | 39.758.971,77                    | 10.659                              | -                             |
| 110 | 09/06/2025    | 428.113.351.306             | 40.129.077,30                    | 10.668                              | 9                             |
| 111 | 10/06/2025    | 428.805.165.626             | 40.166.160,64                    | 10.676                              | 8                             |
| 112 | 11/06/2025    | 434.899.312.373             | 40.706.922,84                    | 10.684                              | 8                             |
| 113 | 12/06/2025    | 436.132.701.807             | 40.799.879,57                    | 10.690                              | 6                             |
| 114 | 13/06/2025    | 442.256.710.297             | 41.341.798,14                    | 10.698                              | 8                             |
| 115 | 16/06/2025    | 442.912.898.969             | 41.390.381,79                    | 10.701                              | 3                             |
| 116 | 17/06/2025    | 442.405.530.431             | 41.341.919,50                    | 10.701                              | -                             |
| 117 | 18/06/2025    | 440.741.340.105             | 41.193.088,10                    | 10.699                              | (2)                           |
| 118 | 19/06/2025    | 436.700.226.137             | 40.794.603,85                    | 10.705                              | 6                             |
| 119 | 20/06/2025    | 442.339.439.254             | 41.296.690,13                    | 10.711                              | 6                             |
| 120 | 23/06/2025    | 446.009.372.955             | 41.624.727,84                    | 10.715                              | 4                             |
| 121 | 24/06/2025    | 455.006.775.895             | 42.456.899,56                    | 10.717                              | 2                             |
| 122 | 25/06/2025    | 454.159.049.057             | 42.370.009,51                    | 10.719                              | 2                             |
| 123 | 26/06/2025    | 453.339.461.335             | 42.281.616,91                    | 10.722                              | 3                             |
| 124 | 27/06/2025    | 458.206.912.263             | 42.732.012,92                    | 10.723                              | 1                             |
| 125 | 30/06/2025    | 462.947.943.705             | 43.138.770,69                    | 10.732                              | 9                             |
| 126 | 01/07/2025    | 465.288.748.642             | 43.337.604,73                    | 10.736                              | 4                             |
| 127 | 02/07/2025    | 474.059.653.109             | 44.156.105,33                    | 10.736                              | -                             |
| 128 | 03/07/2025    | 473.879.993.944             | 44.130.897,20                    | 10.738                              | 2                             |
| 129 | 06/07/2025    | 473.315.098.605             | 44.047.307,27                    | 10.746                              | 8                             |
| 130 | 07/07/2025    | 476.696.124.798             | 44.348.866,49                    | 10.749                              | 3                             |
| 131 | 08/07/2025    | 481.109.135.088             | 44.724.759,89                    | 10.757                              | 8                             |
| 132 | 09/07/2025    | 479.808.919.509             | 44.641.412,34                    | 10.748                              | (9)                           |
| 133 | 10/07/2025    | 479.883.395.170             | 44.623.304,73                    | 10.754                              | 6                             |
| 134 | 13/07/2025    | 491.699.014.024             | 45.730.839,47                    | 10.752                              | (2)                           |
| 135 | 14/07/2025    | 496.881.436.705             | 46.193.838,56                    | 10.756                              | 4                             |
| 136 | 15/07/2025    | 496.972.141.587             | 46.191.121,73                    | 10.759                              | 3                             |
| 137 | 16/07/2025    | 502.651.024.820             | 46.691.034,22                    | 10.765                              | 6                             |
| 138 | 17/07/2025    | 505.333.077.474             | 46.932.775,98                    | 10.767                              | 2                             |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng | Số lượng chứng chỉ quỹ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV | Tăng/(giảm) NAV/CCQ |
|-----|---------------|----------------------|------------------------|---------------------------|---------------------|
|     |               | VND                  | CCQ                    | VND                       | VND                 |
| 139 | 20/07/2025    | 516.644.619.548      | 47.952.850,84          | 10.774                    | 7                   |
| 140 | 21/07/2025    | 532.740.525.875      | 49.406.423,56          | 10.783                    | 9                   |
| 141 | 22/07/2025    | 544.272.478.029      | 50.476.420,13          | 10.783                    | -                   |
| 142 | 23/07/2025    | 549.560.856.594      | 50.961.736,59          | 10.784                    | 1                   |
| 143 | 24/07/2025    | 543.411.729.501      | 50.353.324,41          | 10.792                    | 8                   |
| 144 | 27/07/2025    | 562.104.887.593      | 52.088.175,12          | 10.791                    | (1)                 |
| 145 | 28/07/2025    | 581.793.891.425      | 53.890.056,43          | 10.796                    | 5                   |
| 146 | 29/07/2025    | 597.912.560.210      | 55.389.523,70          | 10.795                    | (1)                 |
| 147 | 30/07/2025    | 603.043.095.339      | 55.841.482,35          | 10.799                    | 4                   |
| 148 | 31/07/2025    | 604.385.300.817      | 55.957.501,20          | 10.801                    | 2                   |
| 149 | 03/08/2025    | 622.182.435.524      | 57.557.585,81          | 10.810                    | 9                   |
| 150 | 04/08/2025    | 633.750.150.271      | 58.624.036,46          | 10.810                    | -                   |
| 151 | 05/08/2025    | 648.723.819.682      | 60.013.147,94          | 10.810                    | -                   |
| 152 | 06/08/2025    | 662.370.186.225      | 61.256.101,62          | 10.813                    | 3                   |
| 153 | 07/08/2025    | 678.525.381.759      | 62.751.867,15          | 10.813                    | -                   |
| 154 | 10/08/2025    | 694.120.897.310      | 64.147.250,68          | 10.821                    | 8                   |
| 155 | 11/08/2025    | 710.333.129.047      | 65.638.223,24          | 10.822                    | 1                   |
| 156 | 12/08/2025    | 723.384.531.044      | 66.824.846,00          | 10.825                    | 3                   |
| 157 | 13/08/2025    | 727.187.153.871      | 67.155.977,14          | 10.828                    | 3                   |
| 158 | 14/08/2025    | 732.614.948.879      | 67.650.327,94          | 10.829                    | 1                   |
| 159 | 17/08/2025    | 739.221.175.580      | 68.249.985,73          | 10.831                    | 2                   |
| 160 | 18/08/2025    | 752.050.672.983      | 69.399.118,17          | 10.837                    | 6                   |
| 161 | 19/08/2025    | 772.350.526.080      | 71.264.823,55          | 10.838                    | 1                   |
| 162 | 20/08/2025    | 779.216.205.010      | 71.919.007,11          | 10.835                    | (3)                 |
| 163 | 21/08/2025    | 793.484.946.842      | 73.214.885,55          | 10.838                    | 3                   |
| 164 | 24/08/2025    | 798.477.904.742      | 73.691.263,71          | 10.835                    | (3)                 |
| 165 | 25/08/2025    | 810.416.284.850      | 74.744.903,48          | 10.842                    | 7                   |
| 166 | 26/08/2025    | 826.708.561.681      | 76.201.202,18          | 10.849                    | 7                   |
| 167 | 27/08/2025    | 835.009.051.828      | 76.954.156,96          | 10.851                    | 2                   |
| 168 | 28/08/2025    | 846.813.011.102      | 78.005.956,98          | 10.856                    | 5                   |
| 169 | 31/08/2025    | 865.424.165.865      | 79.709.820,30          | 10.857                    | 1                   |
| 170 | 02/09/2025    | 883.115.064.951      | 81.290.567,48          | 10.864                    | 7                   |
| 171 | 03/09/2025    | 883.248.740.024      | 81.290.567,48          | 10.865                    | 1                   |
| 172 | 04/09/2025    | 890.108.754.650      | 81.910.926,16          | 10.867                    | 2                   |
| 173 | 07/09/2025    | 895.192.219.117      | 82.366.614,59          | 10.868                    | 1                   |
| 174 | 08/09/2025    | 899.866.908.699      | 82.739.984,38          | 10.876                    | 8                   |
| 175 | 09/09/2025    | 916.064.330.478      | 84.187.627,33          | 10.881                    | 5                   |
| 176 | 10/09/2025    | 920.608.513.191      | 84.591.962,86          | 10.883                    | 2                   |
| 177 | 11/09/2025    | 926.382.614.641      | 85.134.453,93          | 10.881                    | (2)                 |
| 178 | 14/09/2025    | 933.151.100.724      | 85.830.900,26          | 10.872                    | (9)                 |
| 179 | 15/09/2025    | 945.180.246.035      | 86.963.742,54          | 10.869                    | (3)                 |
| 180 | 16/09/2025    | 955.485.972.378      | 87.928.311,76          | 10.867                    | (2)                 |
| 181 | 17/09/2025    | 958.200.214.991      | 88.095.854,80          | 10.877                    | 10                  |
| 182 | 18/09/2025    | 963.190.213.318      | 88.581.441,02          | 10.873                    | (4)                 |
| 183 | 21/09/2025    | 976.823.721.328      | 89.799.503,46          | 10.878                    | 5                   |
| 184 | 22/09/2025    | 984.050.935.887      | 90.399.718,36          | 10.886                    | 8                   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng | Số lượng chứng chỉ quỹ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV | Tăng/(giảm) NAV/CCQ |
|-----|---------------|----------------------|------------------------|---------------------------|---------------------|
|     |               | VND                  | CCQ                    | VND                       | VND                 |
| 185 | 23/09/2025    | 999.152.595.541      | 91.795.012,33          | 10.885                    | (1)                 |
| 186 | 24/09/2025    | 995.171.402.547      | 91.405.617,67          | 10.887                    | 2                   |
| 187 | 25/09/2025    | 987.062.289.656      | 90.606.124,94          | 10.894                    | 7                   |
| 188 | 28/09/2025    | 993.737.000.790      | 91.235.841,35          | 10.892                    | (2)                 |
| 189 | 29/09/2025    | 998.916.825.528      | 91.651.413,16          | 10.899                    | 7                   |
| 190 | 30/09/2025    | 1.001.161.805.696    | 91.765.782,91          | 10.910                    | 11                  |
| 191 | 01/10/2025    | 1.000.115.901.579    | 91.609.780,48          | 10.917                    | 7                   |
| 192 | 02/10/2025    | 1.002.746.203.140    | 91.851.050,89          | 10.917                    | -                   |
| 193 | 05/10/2025    | 997.992.774.678      | 91.485.007,48          | 10.909                    | (8)                 |
| 194 | 06/10/2025    | 995.622.209.843      | 91.192.197,21          | 10.918                    | 9                   |
| 195 | 07/10/2025    | 1.004.100.441.603    | 92.000.747,11          | 10.914                    | (4)                 |
| 196 | 08/10/2025    | 1.008.297.168.744    | 92.278.962,50          | 10.927                    | 13                  |
| 197 | 09/10/2025    | 1.004.841.196.124    | 91.964.697,08          | 10.926                    | (1)                 |
| 198 | 12/10/2025    | 1.002.412.437.185    | 91.786.120,99          | 10.921                    | (5)                 |
| 199 | 13/10/2025    | 995.695.745.454      | 91.134.262,17          | 10.926                    | 5                   |
| 200 | 14/10/2025    | 996.160.831.790      | 91.195.505,15          | 10.923                    | (3)                 |
| 201 | 15/10/2025    | 1.001.618.669.941    | 91.558.477,09          | 10.940                    | 17                  |
| 202 | 16/10/2025    | 997.853.009.497      | 91.236.598,29          | 10.937                    | (3)                 |
| 203 | 19/10/2025    | 984.685.707.908      | 90.059.573,48          | 10.934                    | (3)                 |
| 204 | 20/10/2025    | 993.397.134.736      | 90.856.431,58          | 10.934                    | -                   |
| 205 | 21/10/2025    | 994.626.773.046      | 90.945.943,81          | 10.936                    | 2                   |
| 206 | 22/10/2025    | 992.401.244.887      | 90.745.985,60          | 10.936                    | -                   |
| 207 | 23/10/2025    | 990.149.099.792      | 90.573.042,05          | 10.932                    | (4)                 |
| 208 | 26/10/2025    | 980.206.164.429      | 89.638.062,42          | 10.935                    | 3                   |
| 209 | 27/10/2025    | 978.052.577.521      | 89.394.643,59          | 10.941                    | 6                   |
| 210 | 28/10/2025    | 981.515.064.974      | 89.639.212,60          | 10.950                    | 9                   |
| 211 | 29/10/2025    | 978.575.467.923      | 89.347.704,51          | 10.952                    | 2                   |
| 212 | 30/10/2025    | 972.352.110.487      | 88.784.660,22          | 10.952                    | -                   |
| 213 | 31/10/2025    | 973.887.027.618      | 88.940.724,75          | 10.950                    | (2)                 |
| 214 | 02/11/2025    | 972.764.737.271      | 88.817.954,50          | 10.952                    | 2                   |
| 215 | 03/11/2025    | 973.076.112.082      | 88.817.954,50          | 10.956                    | 4                   |
| 216 | 04/11/2025    | 973.287.622.921      | 88.795.695,08          | 10.961                    | 5                   |
| 217 | 05/11/2025    | 967.642.630.425      | 88.250.937,27          | 10.965                    | 4                   |
| 218 | 06/11/2025    | 950.178.638.245      | 86.634.087,30          | 10.968                    | 3                   |
| 219 | 09/11/2025    | 952.168.915.849      | 86.767.854,08          | 10.974                    | 6                   |
| 220 | 10/11/2025    | 949.732.726.628      | 86.542.783,83          | 10.974                    | -                   |
| 221 | 11/11/2025    | 954.682.455.572      | 87.023.337,27          | 10.970                    | (4)                 |
| 222 | 12/11/2025    | 938.500.377.607      | 85.507.403,71          | 10.976                    | 6                   |
| 223 | 13/11/2025    | 923.685.906.222      | 84.136.902,73          | 10.978                    | 2                   |
| 224 | 16/11/2025    | 913.983.423.326      | 83.388.292,17          | 10.961                    | (17)                |
| 225 | 17/11/2025    | 912.363.536.885      | 83.186.465,75          | 10.968                    | 7                   |
| 226 | 18/11/2025    | 910.511.155.128      | 82.981.782,92          | 10.972                    | 4                   |
| 227 | 19/11/2025    | 893.911.944.635      | 81.410.342,17          | 10.980                    | 8                   |
| 228 | 20/11/2025    | 886.770.970.521      | 80.748.768,42          | 10.982                    | 2                   |
| 229 | 23/11/2025    | 882.647.080.045      | 80.433.250,35          | 10.974                    | (8)                 |
| 230 | 24/11/2025    | 867.996.644.799      | 79.070.228,08          | 10.978                    | 4                   |
| 231 | 25/11/2025    | 866.272.149.505      | 78.808.722,84          | 10.992                    | 14                  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng | Số lượng chứng chỉ quỹ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV | Tăng/(giảm) NAV/CCQ |
|-----|---------------|----------------------|------------------------|---------------------------|---------------------|
|     |               | VND                  | CCQ                    | VND                       | VND                 |
| 232 | 26/11/2025    | 852.234.806.928      | 77.617.032,06          | 10.980                    | (12)                |
| 233 | 27/11/2025    | 828.194.504.025      | 75.365.680,48          | 10.989                    | 9                   |
| 234 | 30/11/2025    | 818.191.134.721      | 74.484.482,71          | 10.985                    | (4)                 |
| 235 | 01/12/2025    | 816.592.946.507      | 74.304.997,09          | 10.990                    | 5                   |
| 236 | 02/12/2025    | 810.998.455.192      | 73.736.602,82          | 10.999                    | 9                   |
| 237 | 03/12/2025    | 792.767.275.982      | 72.085.782,30          | 10.998                    | (1)                 |
| 238 | 04/12/2025    | 775.700.043.456      | 70.391.538,57          | 11.020                    | 22                  |
| 239 | 07/12/2025    | 768.522.736.099      | 69.786.963,04          | 11.012                    | (8)                 |
| 240 | 08/12/2025    | 769.928.765.734      | 69.854.723,38          | 11.022                    | 10                  |
| 241 | 09/12/2025    | 767.199.974.386      | 69.612.004,21          | 11.021                    | (1)                 |
| 242 | 10/12/2025    | 756.448.154.832      | 68.607.924,33          | 11.026                    | 5                   |
| 243 | 11/12/2025    | 746.732.862.465      | 67.681.336,64          | 11.033                    | 7                   |
| 244 | 14/12/2025    | 732.628.937.030      | 66.485.962,13          | 11.019                    | (14)                |
| 245 | 15/12/2025    | 715.253.272.924      | 64.913.788,57          | 11.019                    | -                   |
| 246 | 16/12/2025    | 709.436.443.971      | 64.360.686,39          | 11.023                    | 4                   |
| 247 | 17/12/2025    | 693.232.133.640      | 62.888.591,38          | 11.023                    | -                   |
| 248 | 18/12/2025    | 673.408.963.381      | 61.147.304,13          | 11.013                    | (10)                |
| 249 | 21/12/2025    | 669.871.953.797      | 60.806.018,97          | 11.017                    | 4                   |
| 250 | 22/12/2025    | 654.060.267.985      | 59.365.064,15          | 11.018                    | 1                   |
| 251 | 23/12/2025    | 648.621.195.322      | 58.936.743,24          | 11.005                    | (13)                |
| 252 | 24/12/2025    | 631.150.543.698      | 57.430.767,96          | 10.990                    | (15)                |
| 253 | 25/12/2025    | 616.358.627.721      | 56.056.565,85          | 10.995                    | 5                   |
| 254 | 28/12/2025    | 597.409.316.638      | 54.109.090,44          | 11.041                    | 46                  |
| 255 | 29/12/2025    | 588.747.163.472      | 53.287.632,64          | 11.048                    | 7                   |
| 256 | 30/12/2025    | 580.078.739.853      | 52.510.878,18          | 11.047                    | (1)                 |
| 257 | 31/12/2025    | 547.129.693.355      | 49.517.964,55          | 11.049                    | 2                   |
| 258 | 01/01/2026    | 531.088.814.852      | 48.108.641,32          | 11.039                    | (10)                |

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm

564.921.965.690

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức thấp nhất trong năm

-

- Mức cao nhất trong năm

46

**22 . SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH**

|                                      | 31/12/2025    | 31/12/2024    |
|--------------------------------------|---------------|---------------|
|                                      | CCQ           | CCQ           |
| Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành | 48.108.641,32 | 28.056.134,03 |

**23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

| <b>Bên liên quan</b>                                              | <b>Mối quan hệ</b>                                       |
|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| Ban đại diện Quỹ                                                  | Ban đại diện Quỹ                                         |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB                             | Công ty Quản lý Quỹ đầu tư                               |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành | Ngân hàng giám sát                                       |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)                              | Công ty thành viên cùng Tập đoàn của Công ty Quản lý Quỹ |

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

|                                                                            | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 31/12/2025<br/>VND</b> | <b>Từ 14/05/2024<br/>đến 31/12/2024<br/>VND</b> |
|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| <b>Phí dịch vụ quản lý, giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ</b>    | <b>9.190.508.697</b>                            | <b>2.282.367.943</b>                            |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB                                      | 8.474.535.966                                   | 1.989.464.765                                   |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành          | 687.927.263                                     | 289.047.041                                     |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)                                       | 28.045.468                                      | 3.856.137                                       |
| <b>Phí ngân hàng</b>                                                       | <b>4.565.000</b>                                | <b>2.200.000</b>                                |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành          | 4.565.000                                       | 2.200.000                                       |
| <b>Lãi tiền gửi</b>                                                        | <b>613.676.597</b>                              | <b>145.490.102</b>                              |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành          | 613.676.597                                     | 145.490.102                                     |
| <b>Mua lại chứng chỉ quỹ</b>                                               | <b>-</b>                                        | <b>51.503.763.000</b>                           |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB                                      | -                                               | 51.503.763.000                                  |
| <b>Bán chứng chỉ quỹ</b>                                                   | <b>-</b>                                        | <b>50.000.000.000</b>                           |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB                                      | -                                               | 50.000.000.000                                  |
| <b>Mua trái phiếu</b>                                                      | <b>40.860.238.016</b>                           | <b>126.743.934.257</b>                          |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB                                      | 40.860.238.016                                  | 126.743.934.257                                 |
| <b>Bán trái phiếu</b>                                                      | <b>50.254.379.700</b>                           | <b>-</b>                                        |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB                                      | 50.254.379.700                                  | -                                               |
| <b>Bán chứng chỉ tiền gửi</b>                                              | <b>77.363.774.120</b>                           | <b>15.620.616.445</b>                           |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB                                      | 77.363.774.120                                  | 15.620.616.445                                  |
| <b>Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:</b>                              | <b>31/12/2025<br/>VND</b>                       | <b>31/12/2024<br/>VND</b>                       |
| <b>Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</b>                                     | <b>76.338.356</b>                               | <b>690.411</b>                                  |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành          | 76.338.356                                      | 690.411                                         |
| <b>Phải trả về phí quản lý Quỹ mở</b>                                      | <b>872.646.860</b>                              | <b>399.159.716</b>                              |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB                                      | 872.646.860                                     | 399.159.716                                     |
| <b>Phải trả về phí dịch vụ giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ</b> | <b>62.655.076</b>                               | <b>37.695.836</b>                               |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành          | 62.655.076                                      | 37.695.836                                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,  
 Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

|                                                                   | 31/12/2025<br>VND                               | 31/12/2024<br>VND                               |
|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| <b>Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>                     | <b>32.852.195.641</b>                           | <b>6.689.123.584</b>                            |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành | 32.852.195.641                                  | 6.689.123.584                                   |
| <b>Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ</b>           | <b>1.174.374.551</b>                            | <b>2.007.876.598</b>                            |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành | 1.174.374.551                                   | 2.007.876.598                                   |
| <b>Tiền phong tỏa - Mua bán chứng khoán</b>                       | <b>21.370.767.269</b>                           | -                                               |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành | 21.370.767.269                                  | -                                               |
| <b>Thù lao của Ban đại diện Quỹ</b>                               | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 31/12/2025<br/>VND</b> | <b>Từ 14/05/2024<br/>đến 31/12/2024<br/>VND</b> |
| Thù lao của Ban đại diện Quỹ                                      | 132.000.000                                     | 83.387.097                                      |

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Quỹ đầu tư.

**25 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo thu nhập, Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

  
 Nguyễn Thị Minh Lê  
 Người lập

  
 Phạm Thị Thu Hương  
 Phụ trách kế toán

  
 Giang Trung Kiên  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB  
 Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026